

PHẬT THUYẾT KINH VÔ LƯỢNG THỌ NGHĨA SỐ

QUYỂN HẠ

Từ đây là thứ ba nói về chỗ giáo hóa, thâu lấy chúng sinh có duyên cùng ở nước ấy, dùng pháp mà giáo hóa ích làm lợi ích. Nhưng sở chỗ ở dưới là y cứ ở trên mà phát ra bốn mươi tám nguyện, mỗi mỗi riêng đối, bày rõ lẫn nhau có thể biết như thế nào. Trong văn này có bốn: Một là, nhiếp... là người cùng sinh nước ấy; hai là, Phật Vô Lượng Thọ... là giáo hóa người bậc thượng cùng về nước ấy; ba là, Bồ-tát nước ấy đều rất ráo trong Vương-xá đời... là lại giáo hóa người bậc hạ cùng sinh về nước ấy; bốn là, Di-lặc bạch Phật... là lại giáo hóa người bậc thượng cùng sinh về nước ấy. Thứ Vương-xá và thứ ba có gì khác? Đoạn Vương-xá là luận đủ nghiệp sinh dạy tu vãng sinh. Đoạn ba là, nêu được mất khuyên người vãng sinh, có khác nghĩa này nên cần phân biệt. Thứ hai và thứ bốn có gì sai khác? Trong thứ hai giáo hóa người cùng về, trong thứ bốn là, giáo hóa người cùng sinh, có câu này không giống nên cần phải nói riêng. Thâu lấy người bậc hạ chính là câu đáp. Thâu lấy người bậc thượng là nói cõi ấy cao quý hơn, để khiến người thêm mong cầu.

Trong đây có ba: Một là, sinh lên đó trụ vào Chánh định để khiến người mong cầu; hai là, các Đức Phật mười phương đều cùng khen ngợi là nêu người nghe tên đều được vãng sinh, khiến người càng thêm tâm cầu sinh; ba là, Phật bảo A-nan... là luận về nghiệp sinh, dạy tu vãng sinh.

Phật bảo A-nan: Nếu có chúng sinh nào sinh về nước ấy thì đều trụ trong Chánh định. Vì sao? Vì trong nước Phật ấy không có các nhóm ác và nhóm bất định. Trong phần một, ai sinh về nước ấy đều trụ trong Chánh định, là nói sự thành tựu. Người có ba nhóm: Một là, Tà định; hai là, Chánh định; ba là, Bất định. Trong pháp Tiểu thừa luận nói khác nhau. Nếu theo Tỳ-đàm thì ngoại phạm thường mất, gọi là Tà định, năm

pháp quán dừng tâm, niệm xứ chung niệm xứ riêng, hai tâm nhuyễn đánh gọi là Bất định. Các trường hợp này đều có lui sụt, nên gọi là Bất định. Nhẫn tâm trở lên, bền chắc không lui sụt gọi là Chánh định. Nếu theo luận Thành Thật thì ngoại phạm thường mất, gọi là Tà định, hai tuệ vẫn, tư có lui sụt thì nói là Bất định. Năm pháp quán dừng tâm gọi là Văn tuệ, niệm xứ chung, niệm xứ riêng gọi là Tư tuệ, Nhuyễn đánh trở lên gọi là Tu tuệ. Hiện thấy pháp không, mãi không lui sụt đều là Chánh định. Trong pháp Đại thừa, Thiện thú trở lên gọi là Tà định. Trong giai vị thiện thú chột tiến, chột lùi gọi là Bất định. Tập chủng trở đi, phân vị không lui sụt gọi là Chánh định, bất luận chúng sinh tu theo Đại thừa, Tiểu thừa khi sinh về nước ấy thì đều trụ vào Chánh định. Do đó trở đi là giải thích đó không phải là Tà định và Bất định, nên đều là Chánh định.

Các Đức Phật Như Lai nhiều như số cát sông Hằng ở mười phương đều cùng khen ngợi oai thần công đức của Phật Vô Lượng Thọ không thể nghĩ bàn. Có chúng sinh nào nghe danh hiệu Phật ấy mà tin tưởng vui mừng cho đến Vương-xá niệm dốc lòng hồi hướng, nguyện sinh về nước ấy thì liền được vãng sinh không còn lui sụt, chỉ trừ người phạm năm tội nghịch và chê bai Chánh pháp.

Trong đoạn thứ hai, trước nói các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng ở khắp mười phương đều cùng khen ngợi Phật Vô Lượng Thọ, kể nói chúng sinh nghe tên mà lòng tin hồi hướng phát nguyện đều được vãng sinh. Sau lại nêu là chỉ trừ người phạm năm tội nghịch và chê bai Chánh pháp. Còn các người khác đều được vãng sinh. Nói năm tội nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng, và làm thân Phật chảy máu, năm hạng người này đều là ân mà làm trái với ruộng Phước nên gọi là nghịch, hai hạng người trước là ân, ba hạng sau là trái ruộng Phước, theo tà bỏ chánh nên gọi là chê bai chánh pháp. Đây đều là chương nặng nên phải trừ ra. Hỏi: Trong Quán kinh nói người phạm năm tội nghịch đều được vãng sinh, nay sao kinh này nói không được vãng sinh? Đây luận thế nào? Giải thích có hai nghĩa: Một là, giải thích theo người. Người có hai thứ: Vương-xá là người phát tâm Đại thừa từ lâu, gặp duyên gây ra nghiệp như vua A-xà-thế... Trường hợp này tuy gây ra tội nghịch nhưng có hối hận, thường phát tâm cầu thoát ly, diệt được tội nặng, nên được vãng sinh. Quán kinh cứ vào đây - hai là, từ trước không phát Đại tâm, hiện gây tội nghịch, thường không hối cải nên không thể chắc chắn phát tâm Bồ-đề, do đó không được sinh. kinh này là y cứ vào đây; hai là, giải thích theo hạnh:

Hạng có Định và Tán. Có người tuy gây ra tội nghịch nhưng tu gốc lành mười sáu Chánh quán, quán sâu công đức Phật, trừ diệt các tội nặng thì được vãng sinh. Quán kinh y cứ vào đây. Nếu người gây ra tội nghịch mà không tu tập Tam-muội Quán Phật, tuy làm các điều lành khác thì do không thể diệt hết tội nên không được vãng sinh. Kinh này là y cứ vào đây.

Phật bảo A-nan các trời, người ở các thế giới trong mười phương nếu có người nguyện sinh về nước ấy thì gồm có ba bậc.

Thứ ba Chánh thức luận về Nghiệp sinh, dạy tu vãng sinh. Trong đó trước nói các trời, người ở các thế giới trong mười phương nguyện sinh về nước ấy gồm có ba bậc, là nêu chung. Như Quán kinh, về thô thì chia làm ba, về tế thì chia làm chín, thô chia làm ba đó là thượng - trung - hạ. Đối với hạng Đại thừa thì tập chủng trở lên thì gọi là thượng phẩm. Đối với hạng Tiểu thừa thì ngoại phạm giữ giới cho đến Na-hàm gọi là Trung phẩm. Đối với hạng Đại thừa, thì ngoại phạm thiện thú thì gọi là Hạ phẩm. Tế chia làm chín thì ở Thượng phẩm chia nhỏ làm ba, đó là Thượng thượng, Thượng trung, Thượng hạ. Tứ địa trở lên thì gọi là Thượng thượng, sinh về cõi ấy thì liền được Vô sinh nhẫn. Còn Sơ, Nhị, Tam địa thì gọi là Thượng trung, sinh về nước ấy rồi, qua Vương-xá tiểu kiếp mới được Vô sinh nhẫn. Vì nước ấy ngày dài nên Vương-xá tiểu kiếp mới được Vô sinh nhẫn. Nếu ở thế giới này thì phải trải qua vô lượng kiếp mới được Vô sinh nhẫn. Chủng tánh giải hạnh được gọi là Thượng hạ. Sinh về nước ấy rồi phải trải qua ba tiểu kiếp mới được Bách Pháp Minh Môn, trụ vào Sơ địa. Nên biết Địa trước cũng vì ngày nước ấy dài lâu nên phải trải qua ba tiểu kiếp mới đến được Sơ địa. Nếu ở cõi này, phải trải qua vô lượng kiếp (ở đây xét địa vị quá cao, không phù hợp với ý thâm giữ kẻ bậc Hạ. Xét quán kinh nói bậc thượng phẩm thì trong văn cũng nói có Đại tâm phạm phu nương nguyện vãng sinh nêu y vào Viên giáo thập tín mãn tâm sinh về thượng thượng phẩm, thời đến thì nhập vào Sơ trụ như kinh Hoa Nghiêm nói: Một chứng tất cả đều chứng. Đó gọi là khi mới phát tâm liền thành Chánh giác, mới hợp với ý chỉ vi diệu, Sở chủ y vào mãn giáo mà sắp vào phẩm thượng sinh. Sở người sau thối mất, vì xem phạm phu là không có phần, nên nói sơ qua). Hạng Trung phẩm cũng chia làm ba, tức là Trung thượng, Trung trung, Trung hạ. Thấy đạo trở lên thì thuộc về Trung thượng. Sinh về nước ấy liền được quả A-la-hán. Người nội phạm thì gọi là Trung trung, sinh về đó liền được quả Tu-đà-hoàn. Bốn tâm Nhuyễn... gọi là nội phạm, ngoại phạm giữ giới thuộc về Trung hạ. Sinh về cõi ấy rồi

phải trải qua Vương-xá tiểu kiếp mới được quả A-la-hán. Trong bậc Hạ phẩm cũng chia làm ba là, Hạ thượng, Hạ trung, Hạ hạ. Đây là chia theo gây tội nặng nhẹ, không chia theo ngôi vị. Trong chín phẩm ấy ở đây hợp làm ba, ba bậc Thượng phẩm hợp thành nhóm Thượng, ba bậc Trung phẩm hợp thành nhóm Trung, ba bậc Hạ phẩm hợp thành nhóm Hạ. Ba nhóm này ngôi vị tuy khác, nhưng đều muốn vãng sinh thì cần phải phát tâm Đại Bồ-đề, chuyên niệm Đức Phật ấy, hồi hướng phát nguyện mới được vãng sinh. Nên luận này hỏi rằng: Ngài Thiên Quán làm kệ vãng sinh nói. Người nữ, căn thiếu và Nhị thừa đều không được vãng sinh. Còn Quán kinh lại nói chúng sinh Tiểu thừa cũng được sinh, nghĩa này thế nào? Giải thích rằng: Kia nói người nữ, căn thiếu không được vãng sinh là nói khi ở trong nước ấy chịu báo, ở đó thì không có người nữ và người căn thiếu. Còn nói Nhị thừa không được vãng sinh là nói theo khi ở trong nước này mà vãng sinh. Chúng sinh Tiểu thừa tuy trước tu tập được nhưng khi muốn đi thì cần phải phát Đại tâm mới được vãng sinh. Nếu dùng tâm nhỏ (Tiểu thừa) mà cầu sinh về nước ấy thì không được sinh, vì ngài Thiên Quán nói chúng tánh Nhị thừa không được sinh.

Hỏi: Nếu nói muốn sinh phải dùng Đại tâm, vì sao đến đó lại chứng vào Tiểu quả. Giải thích: Do gốc tu tập nặng về Tiểu thừa, gốc ở chỗ này thì học xem xét nhiều về khổ, vô thường... nên sinh về đó nghe nói khổ, vô thường liền hiểu rõ, nên chứng Tiểu quả. Vì có gốc nên khi qua đời phát tâm Đại thừa cầu sinh về đó. Trong nước ấy được A-la-hán rồi liền cầu Đại thừa. Trên là nêu chung, dưới là nêu riêng.

Nhóm bậc Thượng là bỏ nhà lia dục mà làm Sa-môn, phát tâm Bồ-đề Vương-xá mặt khác chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu các công đức, nguyện sinh về nước ấy. Khi các chúng sinh này qua đời thì Phật Vô Lượng Thọ cùng đại chúng hiện ra trước mặt, người ấy liền theo Phật sinh về nước ấy, liền tự nhiên hóa sinh vào hoa sen bảy báu, trụ vào không lui sụt. Trí tuệ mạnh mẽ, thần thông tự tại. Thế nên, này A-nan, nếu có chúng sinh nào ở đời này muốn thấy Phật Vô Lượng Thọ thì phải nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tu hành công đức, nguyện sinh về nước ấy.

Ở nhóm bậc Thượng, trước là nêu, tiếp là luận, sau khen chung. Trong luận có ba: Một là, nói nhân của việc tu hành; hai là, Những vị này,... cùng được vãng sinh; ba là, an trụ không lui sụt là sinh về đó được lợi ích. Trong nhân tu ở đầu, có năm câu riêng: Một là, bỏ tục xuất gia; hai là, phát tâm Bồ-đề; ba là, Vương-xá một mực chuyên tâm

niệm Phật vô Lượng Thọ; bốn là, tu các công đức; năm là, dùng các điều lành trước mà nguyện sinh về nước ấy. Trong phần vãng sinh thì trước hết Phật sẽ đến đón rước người này, liền theo... là ở đây sinh kia. Trong phần được lợi ích là trụ vào không lui sụt. Phần vị bền chắc, trí tuệ mạnh mẽ là thành đức tốt đẹp. Trước là nêu, tiếp là luận. Thế nên... là chung khen tu tập.

Phật bảo A-nan rằng: Nhóm bậc Trung là các trời, người ở các thế giới trong mười phương có ai dốc lòng nguyện sinh về nước ấy, tuy không thể làm Sa-môn, nhưng tu nhiều công đức, phải phát tâm Vô thượng Bồ-đề, một mực chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu điều lành nhiều ít, giữ gìn trai giới, xây tháp đúc tượng, cúng dường thức ăn cho Sa-môn, treo cờ đốt đèn, rải hoa thấp hương để hồi hướng nguyện sinh về nước ấy. Thì người này khi qua đời, Phật Vô Lượng Thọ hóa hiện ra, tướng tốt sáng rõ đầy đủ như chân Phật, cùng với đại chúng hiện ra trước người ấy. Người này liền theo hóa Phật mà vãng sinh về nước ấy, trụ vào không lui sụt, công đức trí tuệ đứng sau nhóm bậc Thượng. Trong nhóm bậc Trung, trước là nêu, sau là luận. Trong phần luận, trước nói làm nhân, kế nói vãng sinh, sau nói được lợi ích. Trước nói thực hành nhân, mười phương có người dốc lòng nguyện sinh về nước ấy là nêu chung. Tuy không thể làm Sa môn là để phân biệt với nhóm bậc thượng ở trên. Nếu theo quán kinh thì đây là hàng Tiểu thừa, cho nên chẳng thể tu công đức lớn. Phải phát... là chính thức luận về nhân. Trong đó có bốn: Một là, phát tâm Bồ-đề; hai là, chuyên tâm niệm Phật Vô Lượng Thọ; ba là, tu ít phước lành; bốn là, hồi hướng nguyện sinh. Người này tuy trước học theo Tiểu thừa, nhưng chính là muốn vãng sinh thì phải tu tập bốn hạnh như thế mới được vãng sinh. Trong phần vãng sinh thì trước Phật đón rước người này, sau người này sinh về nước ấy, được lợi ích có thể biết.

Phật bảo A-nan rằng nhóm bậc hạ, là trời, người ở các thế giới trong mười phương có người dốc lòng muốn sinh về nước ấy. Nếu không thể làm các công đức, nhưng phải phát tâm Vô thượng Bồ-đề, một mực chuyên ý cho đến chỉ mười niệm, niệm Phật Vô Lượng Thọ, nguyện sinh về nước ấy. Nếu nghe pháp sâu xa, vui mừng tin ưa không hề sinh nghi ngờ, cho đến một niệm niệm Đức Phật ấy hết sức chí thành nguyện sinh về nước ấy. Người này khi sắp qua đời, mộng thấy Đức Phật ấy thì cũng vãng sinh, công đức trí tuệ kế sau nhóm bậc Trung.

Trong nhóm bậc Hạ, trước là nêu, sau là luận. Trong phần đầu là nói thực hành nhân, trời, người ở mười phương nếu có ai dốc lòng muốn

sinh về nước ấy là nêu chung. Nếu không thể làm các công đức, là để phân biệt với nhóm bậc Trung. Như Quán kinh nêu tội để phân biệt. Nay kinh này bỏ qua chỉ nói phải phát tâm... là chính thức luận về nhân. Trong đó có bốn: Một là, phát tâm Bồ-đề; hai là, chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ ấy cho đến mười niệm nguyện sinh về nước ấy; ba là, nghe pháp sâu xa vui mừng tin ưa, không hề nghi ngờ; bốn là, dốc lòng cho đến Vương-xá niệm niệm Đức Phật ấy, nguyện sinh về nước ấy. Trong phần vãng sinh thì nói trong mộng thấy Phật thì cũng được vãng sinh, được lợi phải biết là như thế nào. Từ trên là phần Vương-xá nói gồm bậc hạ.

Từ đây là phần hai, nói giáo hóa người bậc thượng cùng sinh về nước ấy. Nêu ở đây để nói sự cao quý của cõi nước Phật Di-đà, khiến cho tâm cầu sinh của người bậc hạ được thêm mạnh mẽ. Trong đây trước lược nói văn xuôi, sau là kệ làm luận rộng.

Phật bảo A-nan rằng: Phật Vô Lượng Thọ có oai thần không cùng, vô lượng, vô biên không thể nghĩ bàn các Đức Phật Như Lai ở các thế giới trong mười phương không chẳng khen ngợi. Ở phương Đông có các cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng, vô lượng vô số các chúng Bồ-tát ở các cõi này đều đến chỗ Phật Vô Lượng Thọ, cung kính cúng dường. Và các chúng Bồ-tát, Thanh văn nghe nhận kinh pháp, tuyên nói hóa đạo, các phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, trên, dưới cũng giống như thế.

Trong văn xuôi trước phân biệt có hai: Một là, các Đức Phật cùng khen ngợi; hai là, ở phương Đông... là các Bồ tát cùng đến. Trong phần kệ sau nói xét ghi nhớ. Trong phần Phật khen, Phật bảo A-nan: Phật Vô Lượng Thọ oai thần không cùng, là Phật Thích-ca khen. Còn thế giới mười phương... là các Phật khác cùng khen. Từ đây trở đi là tụng riêng là cũng phải ghi nhớ. Trong phần cùng đến thì trước nêu phương Đông, sau nêu các phương khác. Trong phần nêu phương Đông thì nói ở phương Đông trong các cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng có vô số Bồ-tát cùng đến chỗ Phật Vô Lượng Thọ, đây là chỉ, để cung kính cúng dường và các chúng Bồ-tát, Thanh văn đến sau nghe nhận kinh pháp, tuyên nói hóa đạo, là chung. Phương Đông đã như thế thì các phương khác cũng như thế. Trong phần sau thì kệ tụng riêng cũng phải ghi nhớ mà nói tụng rằng:

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói tụng rằng:

Thế Tôn nói tụng là nêu lời giới thiệu, dưới là chính thức tụng, có ba mươi bài kệ, mười lăm bài kệ đầu cùng đoạn sau của bài tụng là nói

về Bồ-tát cùng đến, mười lăm bài kệ sau cùng đoạn đầu của bài tụng là nói các Đức Phật cùng khen ngợi.

Trong mười lăm bài kệ đầu, thì hai bài kệ trước nói cùng vãng sinh, năm bài kệ kế nói cung kính cúng dường, tám bài kệ sau nói về nghe nhận pháp, tuyên nói hóa đạo.

*Các cõi Phật phương Đông
Số ấy như cát sông.
Chúng Bồ-tát cõi ấy
Đến hầu Vô Lượng Giác.*

*Nam, Tây, Bắc, bốn duy
Trên, dưới cũng như thế.
Chúng Bồ-tát cõi ấy
Đến hầu Vô Lượng Giác.*

Trong hai bài kệ trước, bài kệ đầu nói phương Đông cùng đến, bài kệ sau nói các phương khác cùng đến, đến đó lễ Phật Vô Lượng Thọ, thế nên gọi là hầu Vô Lượng Giác.

*Tất cả các Bồ-tát
Dâng hoa màu cõi trời
Hương báu, áo vô giá
Cúng dường Vô Lượng Giác.*

*Đều cùng tấu nhạc trời
Phát ra tiếng hòa-nhã
Khen ngợi Phật cao quý
Cúng dường Vô Lượng Giác.*

*Rốt ráo thân thông tuệ
Nhập vào pháp môn sâu
Đầy đủ kho công đức
Trí màu không ai sánh.*

*Tuệ tuệ sáng thế gian
Xua tan mây sinh tử
Cung kính nhiều ba vòng
Cúi lạy Đấng Vô Thượng.*

Thấy Tịnh độ nghiêm tịnh

*Vi diệu khó nghĩ bàn
 Nhân phát tâm vô lượng
 Nguyện nước tôi cũng thế.*

Trong năm bài kệ này thì bốn bài kệ trước là thấy Phật cúng dường, Vương-xá bài kệ sau là thấy cõi nguyện cầu. Trong bốn bài kệ thì hai bài kệ đầu là nói ngoại sự cúng dường, hai kệ sau là nội sự cúng dường. Trong ngoại sự cúng dường: Đều dâng hoa màu là cúng dường hoa. Bảo là cúng dường vật báu, hương là cúng dường hương, áo vô giá là cúng dường áo, tấu nhạc trời là cúng dường nhạc. Trong tiếng nhạc có khen ngợi đức của Phật. Trong nội sự cúng dường, một bài kệ rưỡi đầu là khẩu cúng dường, nửa kệ sau là thân cúng dường. Ở miệng khen thì Vương-xá bài kệ đầu là khen tự đức của Phật, nửa bài kệ sau là khen lợi tha của Phật, trong phần khen tự đức thì rất ráo thông tuệ, nhập vào pháp sâu xa, khen ngợi hai đức Trí và Thông của Phật, Trí là gốc của thông, thông là dụng của trí. hai tướng ấy rất cần nên khen. Thông tuệ rất ráo đầy đủ. Ráo gọi là cứu, rộng suốt gọi là đạt. Thông và tuệ này đều y pháp mà thành, nên lại nói đi vào pháp sâu xa. Nương quán gọi là đi, cùng gốc gọi là vào. Chứng nhập cửa Thông của pháp giới duyên khởi thì có khả năng hiển bày Thông cao quý, chứng nhập cửa Trí pháp giới duyên khởi thì có khả năng sinh khởi Tuệ cao quý. Đầy đủ kho công đức. Diệu trí không ai sánh là khen hai hạnh phước, trí của Phật. Phước là tư hướng của Tuệ, Tuệ là người dắt đường cho phước. hai tướng này rất cần nên khen. Phước hạnh đầy đủ gọi là cụ công đức, Tuệ hạnh thù thắng gọi là trí vô đẳng. Luân là bọn, đám là nhóm người cùng làm việc. Không người nào sánh ngang bằng Phật nên gọi Vô đẳng luân - Dưới là lợi tha, mặt trời tuệ sáng thế gian là dạy người sinh trí, tuệ công năng khai hiểu như mặt trời chiếu sáng đời. Dạy người sinh hiểu gọi là sáng thế gian. Dứt trừ sinh tử là dạy người lìa chướng. Sinh tử che chướng nên dụ như mây. Thân kính có thể biết - bốn bài kệ trên là thấy Phật cúng dường, Vương-xá bài kệ dưới là thấy cõi nguyện cầu, văn rõ ràng dễ hiểu.

*Bấy giờ Vô Lượng Tôn
 Miệng mỉm cười rạng rỡ
 Miệng phát nhiều tia sáng
 Chiếu khắp cõi mười phương.*

*Sáng về nhiều quanh thân
 Ba vòng rồi vào đánh*

*Tất cả chúng trời, người
Đều hơn hở vui mừng.*

*Đại sĩ Quán Thế Âm
Sửa áo, lạy, hỏi rằng
Bạch Phật duyên cớ gì
Mỉm cười, xin nói ý.*

*Phạm thính như sấm sét
Tám âm vang hòa nhã
Liên thọ ký Bồ-tát
Nay nói hãy lắng nghe.*

*Chánh sĩ mười phương đến
Ta đều biết nguyện người
Chỉ cầu nghiêm Tịnh độ
Chắc chắn được thành Phật.*

*Hiểu biết tất cả pháp
Như mộng, huyễn, tiếng vang
Đầy đủ các nguyện màu
Ắt thành cõi như thế.*

*Biết pháp như bóng, chớp
Rốt ráo đạo Bồ-tát
Đủ các gốc công đức
Chắc chắn được thành Phật.*

*Thông suốt tánh các pháp
Tất cả không, vô ngã,
Chuyên cầu Phật độ tịnh
Ắt thành cõi như thế.*

Trong tám bài kệ này là nói về pháp nghe giảng nói hóa Đạo. Trong đây, hai bài kệ đầu là Di-đà Như Lai hiện tướng phát khởi. Tiếp có Vương-xá bài kệ là Quán Âm lấy làm lạ hỏi. Năm bài kệ sau đó là Đức Phật đáp đủ. Phạm thính như sấm sét, tám tiếng hòa nhã là tám tiếng Phạm âm như kinh Phạm Ma Dụ nói: Vương-xá là tiếng hay ho bậc nhất. Hai là, dễ hiểu, ngôn từ luận rõ. Ba là, tiếng điều hòa, lớn

nhỏ vừa chừng. Bốn là, tiếng êm dịu, tiếng nghe êm ái. Năm là, tiếng không đối gạt, là tiếng không lầm lẫn. Sáu là, không có tiếng người nữ, tiếng ấy nhã sáng. Bảy là, tiếng tôn tuệ, lời nói có oai đức sâu xa, như người đời tôn trọng tiếng của người có tuệ. Tám là, tiếng sâu xa, tiếng ấy sâu xa cũng như sấm gâm, Phật dùng tiếng nhiệm màu này mà đáp lời Quán Thế Âm để thọ ký cho Bồ-tát. Nay nói nhân lắng nghe là hứa nói lời thọ ký, nghĩa giải thích như trên. Nay sẽ nói, nhân giả hãy lắng nghe: Từ bốn bài kệ sau đây là nói những điều sẽ nói. Trong đó bài kệ đầu là nêu nguyện tâm ấy sẽ được thọ ký thành Phật. Bài kệ thứ hai là, nêu trí nguyện ký chắc chắn được cõi nước. Hiểu rõ tất cả pháp như mộng, huyễn... là nêu trí. Đây đủ các nguyện là nêu nguyện. Thành cõi như thế là thọ ký được cõi nước. Bài kệ thứ ba nêu trí hạnh ký chắc chắn được thành Phật. Biết pháp như ánh chớp là nêu trí. Rốt ráo đạo Bồ-tát là nói đủ các gốc Đức, tức nêu hạnh. Được quyết định thành Phật là được thọ ký thành Phật. Bài kệ thứ bốn là, nêu trí nguyện ký chắc chắn được cõi nước. Thông suốt tánh tất cả pháp đều không, vô ngã là nêu trí. Trước biết tất cả như mộng, huyễn là nói Trí thế đế. Ở đây chung cho pháp tánh tất cả đều không vô là trí chân đế. Chuyên cầu Tịnh độ là nêu nguyện vậy. Chắc chắn thành cõi nước ấy là thọ ký chắc chắn được cõi nước.

Mười lăm bài kệ sau là nói các Đức Phật cùng khen: Bốn bài kệ trước là mười phương các Đức Phật ở trước cùng khen. Mười kệ sau là nói Đức Thích-ca tự khen trong văn trước.

*Các Phật bảo Bồ-tát
Khiến hầu Phật An Dưỡng
Nghe pháp vui thực hành
Mau được chỗ thanh tịnh.*

*Đến nước nghiêm tịnh ấy
Liền mau được thân thông
Ắt được Vô Lượng Tôn
Thọ ký thành Đẳng Giác.*

*Sức bốn nguyện Phật ấy
Nghe danh muốn vãng sinh
Đều được đến nước ấy
Đến rồi không lui sụt.*

*Bồ tát khởi chí nguyện
 Nguyện xong, nước không khác
 Khắp nghĩ độ tất cả
 Danh vang khắp mười phương.*

*Kính thờ ỨC Như Lai
 Bay hóa khắp các cõi
 Cung kính hoan hỷ đi
 Lại về nước An dưỡng.*

Trong năm bài kệ trước, các Đức Phật bảo Bồ-tát, khiến hầu Phật an dưỡng, chính là khuyên đến nghe pháp, thọ nhận, thực hành, là nói về sự thực hành. Nhanh chóng được... là làm lợi ích. Nhanh chóng được chỗ thanh tịnh, là nói lợi ích nghe pháp thọ nhận, thực hành. Từ tương lai được Tịnh độ màu nhiệm gọi là được chỗ tịnh - bốn bài kệ sau là trước nói lợi ích đến An Dưỡng hầu cận. Lợi ích đó có năm thứ: Một là, lợi ích đến đó được thần thông, nửa bài kệ đầu là đó; hai là, lợi ích đến đó được thọ ký là nửa bài kệ sau. Trước nói Phật ấy thọ ký Bồ-tát chính là việc ấy; ba là, lợi ích đến đó được không lui sụt là Vương-xá bài kệ kế. Trước nói sinh lên đó được trụ vào Chánh định chính là việc ấy; bốn là, lợi ích đến đó khởi nguyện, là Vương-xá bài kệ kế đó. Bồ-tát khởi nguyện là nêu chung, sau khen riêng, trong phần riêng Nguyện rồi, Cõi nước không khác. Là nguyện cầu Tịnh độ, nguyện xong thì được Tịnh độ đồng như Di-đà, gọi là cõi nước không khác. Khắp độ tất cả là nguyện hóa độ chúng sinh. Vang danh khắp mười phương là nguyện cầu thân Phật, tức nguyện khi thành Phật thì tiếng vang khắp mười phương; năm là, lợi ích đến đó khởi hạnh cúng dường nhiều Phật, là Vương-xá bài kệ sau cùng.

Từ đây mười bài kệ, Phật Thích-ca tự khen khiến người cùng sinh về. Trong đó chia làm ba: Trước có ba bài kệ là nêu kinh khó nghe vui mừng tu hành. Tiếp có bốn bài kệ là khen Phật Di-đà thọ ký Bồ-tát, tức là nói trí đức Phật cao siêu khiến người theo về. Ba bài kệ sau dùng giáo lý mà khuyên.

*Nếu người không gốc lành
 Chẳng được nghe kinh này
 Người có giới thanh tịnh
 Mới được nghe Chánh pháp.*

Lại được thấy Thế Tôn

*Thì liền tin việc này
 Khiêm nhường kính vâng làm
 Hơn hở rất vui mừng.*

*Kiêu mạn và biếng lười
 Khó thể tin pháp này
 Đời trước thấy các Phật
 Ưa nghe giáo như thế.*

Trong ba bài kệ đầu thì nửa bài kệ trước là nêu người không có gốc lành thì chẳng được nghe kinh này, là nói kinh sâu nặng. Nửa bài kệ tiếp là nêu người có gốc lành thì mới được nghe là nói kinh nhiệm màu... Trong đó nói người có gốc lành mới nghe kinh này. Từng thấy... là nói người thấy Phật thì mới kính tin, vui mừng, vâng làm. Tiếp có nửa bài kệ nêu có người có gốc ác không tin pháp này. Nói kinh sâu nặng. Sau đó nửa bài kệ là nêu người có gốc lành ưa nghe giáo ấy là nói kinh nhiệm màu, nêu người ác không nghe là khiến người lìa bỏ, người lành được nghe là khiến người mến tu. Lại trong văn kinh nói kinh này sâu nặng là bỏ người chê bai, để hiển bày kinh vi diệu, khiến cho người kính tin.

*Thanh văn hoặc Bồ-tát
 Không thể rõ tâm Thánh
 Ví như người đui mù
 Muốn dắt dẫn người khác.*

*Biển trí tuệ Như Lai
 Sâu rộng không bờ bến
 Nhị thừa chẳng thể lường
 Chỉ có Phật mới hiểu.*

*Giả sử tất cả người
 Đều được đạo đầy đủ
 Tịnh tuệ biết vốn không
 Ưc kiếp nhớ Phật trí.*

*Hết sức mà giảng nói
 Đến chết cũng khó biết
 Phật tuệ không bờ bến
 Rất thanh tịnh như thế.*

Bốn bài kệ này khen Trí đức cao siêu của Phật Di-đà khiến người nường về. Trong đó trước có bảy câu là nói Thanh văn, Bồ-tát không suy lường được. Trước là pháp, tiếp là dụ, sau hợp khá biết. Tiếp có Vương-xá câu là nói chỉ có Phật biết. Tiếp có sáu câu là nói tất cả mọi người đều được Thánh đạo, cùng nghĩ mà không biết. Giả sử mọi người đều được đạo, đức hạnh cao quý. Đạt gốc tịnh tuệ, hiểu sâu về không, Ưc kiếp nghĩ Phật, quán tưởng lâu dài. Hết sức giảng nói là nói cùng tận. Tuy như thế nhưng đến chết cũng không biết. Sau có nửa bài kệ là chung khen bày cao quý. Phật tuệ vô biên là khen trí Phật rộng. Rất thanh tịnh như thế là khen Đức của Phật thanh tịnh. Chí là rất, hết mức. Là pháp tánh Niết-bàn rất thanh tịnh nên khó lường biết được.

*Tuổi thọ rất khó được
Phật ra đời khó gặp
Người có tín tuệ khó
Nếu nghe siêng năng cầu.*

*Nghe pháp mà chẳng quên
Thấy kính rất vui mừng
Là bạn lành thân ta
Thế nên phải phát ý.*

*Nếu lửa đầy thế giới
Nên phải đến nghe pháp
Hiểu sẽ thành Phật đạo
Rộng cứu dòng sinh tử.*

Ba bài kệ này là dùng lý giáo mà khuyên. Trong đó, bài kệ đầu là nêu ba điều khó, khuyên người siêng cầu. Tuổi thọ khó được là điều khó thứ nhất, Phật ra đời khó gặp là điều khó thứ hai, khó có tín tuệ là điều khó thứ ba. Ba điều khó này nay đã được cho nên nghe kinh này phải nên khuyên cầu - Bài kệ thứ hai là, nêu người thấy nghe được lợi ích lớn nên khuyên người phát tâm. Nghe không quên là Phật Di-đà nghe pháp không quên. Nói thấy kính, là nói thấy Phật Di-đà tâm sinh kính trọng. Rất vui mừng là nói trước nghe pháp thấy Phật cung kính thì được lợi ích tốt đẹp. Được điều lành đáng mừng nên nói rất vui mừng. Cho nên bạn lành của ta, được Phật che chở. Hạnh thuận với Phật Thích-ca nên gọi là bạn lành của ta - Thế nên phải phát là chung khuyên phát tâm. Một bài kệ cuối cùng là dạy khiến định. Nếu lửa đầy thế giới nên phải đến nghe pháp là quyết định đi. Sẽ được thành Phật

rộng cứu sinh tử là nói đi làm. Sẽ thành Phật là cầu quả tự lợi, rộng cứu sinh tử là cầu quả lợi tha.

Sau đây là phần thứ ba, lại thêm người bậc hạ đồng sinh về nước ấy. Trong đó có ba: Một là, rộng nêu sự tốt đẹp của cõi nước Vô Lượng Thọ, khiến người nguyện cầu; hai là, từ người đời bạc tục... là nói cõi Ta-bà uế ác đầy đủ, khiến người chán bỏ; ba là, lễ Phật Vô Lượng Thọ là ở nước Di-đà mà luận bày được mất khiến người tu lìa bỏ.

Trong phần đầu có hai: Một là, rộng nêu việc vui cao quý của cõi nước Vô Lượng Thọ; hai là, Phật bảo Di-lặc là khuyên người vãng sinh. Trong phần Vương-xá có tám: Một là, nêu tuổi thọ ở nước ấy dài lâu; hai là, nêu chúng ở cõi ấy có ánh sáng đặc biệt; ba là, nêu thân tướng chúng sinh cõi ấy đầy đủ; bốn là, nêu trí đức chúng ấy cao siêu; năm là, sinh về đó lìa hẳn đường ác; sáu là, nêu cõi ấy thường khởi tâm cúng dường; bảy là, nêu sinh về cõi ấy nghe pháp không ngừng; tám là, nêu chúng Bồ-tát cõi ấy đức hạnh đầy đủ.

Phật bảo A-nan rằng: Bồ-tát nước ấy đều sẽ rất ráo một đời được Bồ xứ, trừ có bốn nguyện vì chúng sinh. Dùng công đức của thế nguyện rộng lớn để tự trang nghiêm, muốn độ thoát khắp tất cả chúng sinh.

Ở đoạn đầu là nêu Bồ-tát ở cõi ấy đều là rất ráo một đời được Bồ xứ, nói tuổi thọ lâu dài không có chết yếu. Trừ nguyện vì chúng sinh ở cõi khác mà thọ sinh.

Này A-nan, trong nước Phật ấy, các chúng Thanh văn thân có ánh sáng chiếu xa Vương-xá tầm, ánh sáng chúng Bồ-tát chiếu xa trăm do-tuần. Có hai Bồ-tát tôn quý bậc nhất, oai thần ánh sáng chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới - A-nan bạch Phật rằng: hai vị Bồ-tát ấy danh hiệu là gì? Phật bảo: Một vị tên là Quán Thế Âm, vị kia tên là Đại Thế Chí, hai vị Bồ-tát ấy ở cõi nước này tu hạnh Bồ-tát. Khi qua đời thì chuyển hóa sinh về nước Phật ấy.

Ở đoạn thứ hai này, trước nói chúng Thanh văn có thân quang chiếu xa Vương-xá tầm, kế nói Bồ-tát nước ấy có ánh sáng chiếu xa một trăm do-tuần, Vương-xá do-tuần là bốn mươi dặm, một trăm do-tuần là bốn ngàn dặm. Đoạn ba là, nói Quán Thế Âm và Đại Thế Chí ánh sáng chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới. Trong đó, trước nói về ánh sáng. A-nan bạch Phật... là nói về tên hý, hai vị Bồ-tát ấy ở cõi nước này... là nói ở cõi này sinh về cõi đó. Này A-nan, có chúng sinh nào sinh về nước ấy thì đều được đầy đủ ba mươi hai tướng tốt.

Đoạn thứ ba là, nói thân tướng chúng sinh cõi ấy đầy đủ ba mươi hai tướng tốt như kinh đã nói rộng.

Trí tuệ trọn thành, đi sâu vào các pháp, rốt ráo sâu màu, thần thông vô ngại, các căn lanh lợi. Người độn căn thành tựu được hai nhãn, người lợi căn được A-tăng-kỳ Vô sinh pháp nhãn.

Đoạn thứ bốn là, nói chúng sinh cõi ấy có Trí Đức cao siêu. Câu riêng có bốn: Một là, trí tuệ trọn thành, đi sâu vào các pháp, chứng hiểu pháp tánh, rốt ráo sâu màu, thấu suốt giáo thuyên; hai là, thần thông vô ngại; ba là, các căn lanh lợi; bốn là, được Nhãn khác nhau. Người độn căn thì thành tựu hai nhãn, đó là Âm hưởng nhãn và Nhu thuận nhãn. Người lợi căn cho đến thành Phật được A-tăng-kỳ Vô sinh pháp nhãn.

Lại Bồ-tát ấy, cho đến thành Phật không còn đọa vào đường ác, thần thông tự tại, thường biết túc mạng, trừ những người sinh vào cõi đời có năm thứ vẫn đọa ở phương khác mà thị hiện đồng với họ (người ở phương ấy) như ở cõi nước ta đây.

Đoạn thứ năm: Nêu người sinh về cõi ấy xa lìa hẳn đường ác. Trong đó, trước nói người sinh về nước ấy, cho đến thành Phật không còn bị đọa vào đường ác nữa, thần thông tự tại, thường biết túc mạng, sau trừ người vì chúng sinh ở phương khác mà hiện sinh. Phật Thích-ca tự nói “Như các Bồ-tát ở nước ta”.

Phật bảo A-nan rằng: Bồ-tát nước ấy nương oai thần của Phật trong khoảng thời gian Vương-xá bữa ăn đến vô lượng thế giới mười phương cung kính cúng dường các Đức Phật Thế Tôn, tùy theo tâm mình. Hương Hoa kỹ nhạc, cờ phướn lọng báu, vô số vô lượng các thứ cúng dường tự nhiên hóa sinh theo ý nghĩ liền có, đẹp báu lạ lùng, thế gian không hề có, đem đi rải cúng dường các Đức Phật. Chúng Bồ-tát, Thanh văn ở giữa hư không hóa ra các lọng hoa, ánh sáng chói lòa, hơi thơm xông khắp. Lọng hoa ấy chu vi bốn trăm dặm, cứ như thế to dần, cho đến phủ khắp tam thiên đại thiên thế giới, tùy theo trước sau lần lượt biến mất. Các Bồ-tát đều rất vui mừng ở trong hư không cùng tấu nhạc trời, dùng tiếng hay ho mà ca ngợi đức của Phật. Nghe nhận kinh pháp, vui mừng vô lượng, cúng dường Phật rồi, chưa hết bữa ăn, bỗng nhiên nhẹ nhàng trở về nước mình.

Đoạn thứ sáu, nói người sinh về nước ấy thường khởi tâm cúng dường rộng khắp. Trong đó, trước nói đến khắp mười phương cõi, rộng cúng dường nhiều Đức Phật, tiếp là nói thọ pháp, sau nói ăn chưa xong thì liền trở về nước. Trong phần đầu bốn câu: Một là, các Bồ-tát nước ấy chỉ trong khoảng Vương-xá bữa ăn đã đến các thế giới mười phương khắp cúng dường các Đức Phật; hai là, tùy tâm... là nói các thứ cúng dường tùy tâm hiện ra; ba là, ở trên hư không... là nói trên không trung

hóa thành các lọng hoa; bốn là, các Bồ-tát... là nói các Bồ-tát tấu nhạc trời ca ngợi đức của Phật. Thêm là đều, chúng đều vui mừng. Sau khi cúng dường Phật rồi, chưa hết bữa ăn liền trở về nước mình. Phật bảo A-nan rằng: Phật Vô Lượng Thọ nói pháp cho các đại chúng Thanh văn, Bồ-tát nghe, khi ấy đều nhóm họp đến giảng đường bảy báu, nói rộng đạo giáo, giảng nói pháp màu, ai nấy đều rất vui mừng, tâm hiểu được đạo. Lúc ấy bốn phương tự nhiên gió thổi lay động các cây bảy báu phát ra tiếng ngũ âm. Vô lượng hoa đẹp theo gió bay khắp nơi tự nhiên cúng dường, như thế không ngớt. Tất cả các vị trời đều dâng hoa cõi trời trăm ngàn đoá, hoa hương muôn thứ kỹ nhạc cúng dường Đức Phật ấy và các Bồ-tát. Chúng Thanh văn tung rải hoa hương cùng khắp, tấu trời các âm nhạc, trước sau cùng đến, lúc ấy cùng đón chào nhau, vui mừng sung sướng, không thể tả xiết.

Đoạn thứ bảy, là nói người sinh về cõi ấy nghe pháp không dứt. Trong đó trước nói: khi nói pháp, đại chúng nhóm họp ở giảng đường. Như Lai vì nói... là nói lợi ích tâm hiểu được đạo, lúc ấy... là bày lễ cúng Phật. Phần đầu trong đó nói gió thổi cây phát ra tiếng, kể thổi hoa màu, sau các vị trời... là đem hoa hương kỹ nhạc đến dâng cúng dường, vui sướng vô cùng.

Từ đây là phần thứ tám, nêu rõ đức hạnh tròn đầy của Bồ-tát ở cõi ấy. Trong đó trước nêu riêng, sau kết chung. Riêng có bảy: Một là, hạnh tu xa lìa luống dối; hai là, đầy đủ... là thành đức đầy đủ; ba là, Cùng quán ba cõi không,... là nói hạnh tu đầy đủ; bốn là, rốt ráo nhất thừa... là thành đức tốt đẹp; năm là, dẹp bỏ ganh ghét... là hạnh tu thắng tiến; sáu là, nhân lực... là các năng lực đầy đủ; bảy là, thân sắc tướng tốt công đức... là đối với các đức mà khen chung, hiển bày sự cao quý.

Phật bảo A-nan rằng: Các Bồ-tát sinh về cõi nước ấy có khả năng giảng nói, thường giảng nói Chánh pháp, thuận theo trí tuệ không trái không mất. Ở cõi nước ấy, tất cả muôn vật không có tâm ngã sở, không có tâm đắm nhiễm, đi đứng động tĩnh không có tâm vướng mắc, tùy ý tự tại không có chỗ nào chẳng thích nghi, không kia đây, không tranh cãi. Đối với các chúng sinh thì có tâm đại Từ bi làm lợi ích, mềm mỏng điều phục, không có tâm tức giận, lìa triền cái, được thanh tịnh, không có tâm chán lười, có đủ Đẳng tâm, Thắng tâm, Thâm tâm, Định tâm, tâm Ái pháp, Lạc pháp, Hỷ pháp, tâm dứt bỏ các phiền não, xa lìa đường ác, rốt ráo tất cả những việc Bồ-tát phải làm.

Trong phần đầu, trước riêng, sau kết chung. Trong phần riêng, trước nói có khả năng giảng nói, thường nói Chánh pháp... là hóa hạnh

lìa lỗi. Ở nước ấy... là tự độ không lỗi. Trong đó, trước nói về các phép đối trị, diệt phiền não... là nói lìa các lỗi. Trong phần nhiếp trị, trước là nói sáu độ để đối trị. Trước nói tu hạnh xả, xả cũng như đàn (bố thí). Ở nước ấy có muôn vật mà không có tâm ngã sở là nói lìa kiến, không có tâm đắm nhiễm là nói lìa ái. Dứt bỏ hai thứ này thì gọi là xả hạnh. Kế tu giới hạnh. Tới lui động tịnh không có tâm vương mắc, tùy ý tự tại là nói lìa lỗi của thân, không gì chẳng thích nghi, không thấy kia đây (mình người) là nói lìa lỗi của ý. Đối với chúng sinh không có thân sơ, xa gần, nên không gì chẳng thích nghi. Không tranh cãi là nói lìa lỗi của miệng - Kế tu hạnh nhẫn, đối với chúng sinh có tâm đại Từ bi làm lợi ích, mềm mỏng điều phục chính là nói năng nhẫn. Không có giận hờn... là lìa nhẫn chướng. Tiếp là tu siêng năng, cầu pháp lành không dứt, gọi là không chán lười. Các hạnh đều tu nên gọi là Đẳng tâm. Chỗ tu cốt tiến lên nên gọi là thắng tâm tâm cầu ân trọng nên gọi là thâm tâm. Kế tu thiền hạnh, xa lìa loạn ý nên gọi Định tâm. Sau đó là tu tuệ hạnh, được pháp nên yêu mến, gọi là Ái pháp. Đây là dựa vào Chung. Khi tai nghe ưa thích thì gọi là Nhạo pháp, đây là dựa vào Thứ. Khi cầu thì tâm vui gọi là Hỷ pháp, đây là dựa vào Thứ. Như trên là phần tu trị, dưới đây nói về lìa lỗi. Dứt bỏ các phiền não là xa lìa phiền não. Tâm lìa đường ác là dứt bỏ các nghiệp ác. Như trên là phần nói riêng đã xong. Rốt ráo tất cả những việc Bồ-tát phải làm, là tổng kết. Trên đây là hạnh thứ nhất tu lìa lỗi.

Thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, được thiên định sâu và các tuệ thông minh. Chí đạo chơi trong bảy giác, tu tâm Phật pháp. Nhục nhãn thấy suốt không gì chẳng phân biệt rõ. Thiên nhãn thấu suốt vô lượng vô hạn. Pháp nhãn xem xét rốt ráo các đạo. Tuệ nhãn thấy chân, có khả năng vượt qua bờ kia. Phật nhãn đầy đủ, hiểu rõ pháp tánh, dùng Trí vô ngại, giảng nói cho người nghe.

Thứ hai là, thành đức đầy đủ, đủ vô lượng đức, cho nên nêu chung, dưới là nêu riêng. Trong phần riêng, trước nói về công đức tự lợi. Dùng vô ngại... là đức lợi tha. Trong tự lợi thì được các thiên định sâu và các Tuệ thông minh, chí đạo chơi trong bảy giác, tự phần công đức. Thiên tức bốn thiên định, đó là tứ không định... Các thông là sáu thông, Minh là ba minh: túc mạng, thiên nhãn và lậu tận. Tuệ là ba tuệ: Văn, Tư, Tu... Nói bảy giác là niệm, tuệ, siêng năng, khinh an, hỷ, định, xả; Tu tâm mình... là thắng tiến công đức. Tu tâm Phật pháp là trên cầu Đức của Phật. Nhục nhãn... là thành tựu công đức vô lượng. Lại nêu nghĩa năm nhãn, rộng như trong chương khác, ở đây chỉ nói chung. Lại giải

thích văn, nhục nhãn trong suốt không gì chẳng phân biệt rõ ràng là nói nhục nhãn cao quý. Da thịt gọi là nhục, căn của tịnh nhục có công năng xem xét. Mục là nhãn, mắt. Ở nước ấy báo được nhục nhãn thì thấy rõ vô số việc thế giới, gọi là thấy suốt, chỗ thấy sáng suốt kỹ rõ nên nói không gì chẳng phân biệt rõ. Nó nhìn thấy sắc tượng (hình thể màu sắc) hiện tại nên gọi là Nhục nhãn. Thiên nhãn thấu suốt vô lượng vô hạn, chỗ thấy dài xa nên nói vô hạn. Pháp nhãn xem xét rốt ráo các đạo là nói Pháp nhãn cao quý. Trí có công năng chiếu xét các pháp nên gọi là Pháp nhãn. Thấy được tất cả căn dục tánh tâm của chúng sinh, luận biết tất cả pháp hóa độ chúng sinh. Sự biết cùng tận nên gọi là rốt ráo. Hiểu rõ Đạo pháp ba thừa khác nhau nên gọi là rốt ráo các đạo. Đạo nhãn thấy chân, có công năng vượt qua bờ kia là nói Tuệ nhãn cao quý. Thật tuệ chiếu xét không, thấy lý gọi là nhãn, thấy được chân không, nên gọi là thấy chân, trừ bỏ tướng có, đạt đến bờ kia, vô tướng bình đẳng nên gọi là vượt đến bờ kia. Phật nhãn thì đầy đủ hiểu biết, rõ pháp tánh là nói Phật nhãn cao quý. Bốn thứ trước là riêng, Phật nhãn này là chung, thấy cảnh khắp hết nên gọi là đầy đủ. Lại, Phật nhãn có khả năng thấy được trong Như Lai tàng chân thật có thật tánh bất không, nên gọi là hiểu rõ pháp tánh. Như trên là tự đức, dùng trí vô ngại giảng nói cho người nghe là đức lợi tha. Phần thứ hai đã xong.

Cùng quán ba cõi là không thật có, chí cầu Phật pháp, đủ các biện tài, trừ diệt tai họa phiền não của chúng sinh. Từ Như Lai sinh, hiểu pháp như như. Khéo biết âm thanh phương tiện tập diệt, không ham âm thanh thế gian, vui với chánh luận, tu các gốc lành, chí sùng kính đạo Phật, biết tất cả pháp đều vắng lặng, hai dư sinh thân, phiền não đều hết. Nghe pháp sâu xa, tâm không nghi sợ, thường hay tu hành. Đại bi ấy sâu xa nhiệm màu không đâu chẳng che chở.

Thứ ba là, nói tu đầy đủ. Trong đó có hai đối tự lợi và lợi tha. Trước tu đối với thí, sau đối với chung. Từ đầu cho đến dứt bỏ phiền não là cặp đối ban đầu. Từ Như Lai trở đi là cặp đối ở sau. Trong phần đầu trước nói: Điều quán ba cõi không thật có, chí cầu Phật pháp, ấy là tự lợi. Điều quán ba cõi không thật có là lìa hạnh sinh tử, chí cầu Phật pháp đến hạnh Bồ-đề. Đủ các biện tài... là nói lợi tha. Đủ các biện tài là nói đức hóa tha. Trừ diệt tai họa phiền não của chúng sinh là nói ích hóa tha. Trong phần đối sau, trước nói tự lợi. Đại bi... là nói lợi tha. Trong phần tự lợi, văn riêng có bốn: Một là, giải tự phần; hai là, tu các điều lành,... là hạnh tự phần; ba là, nghe pháp sâu xa... là giải thắng tấn; bốn là, thường hay tu... là hạnh thắng tấn. Trong giải tự phần, từ Như

Lai sinh, hiểu pháp như như, là lý giải, hiểu do Như Lai giáo hóa sinh ra. Thế nên nói từ Như Lai sinh. Không đồng gọi là Như, hiểu biết tất cả muôn pháp đều như, gọi là hiểu như như. Khéo biết tập... là giáo giải (hiểu về giáo). Giáo pháp dạy tu điều lành gọi là tập âm thanh. Giáo pháp dạy diệt ác gọi là diệt âm thanh. Bồ-tát đều hiểu rõ việc này nên gọi là khéo biết. Trong đó khéo biết nên gọi là phương tiện. Do Thánh giáo mà khéo biết được nên không ham thích lời (tiếng) thế gian, chỉ vui với Chánh luận. Trong hạnh tự phần, tu các gốc lành, chí sùng kính đạo Phật, đến hạnh Bồ-đề, biết tất cả pháp thấy đều vắng lặng. Hai dư sinh thân, phiền não đều hết sạch, dứt hạnh sinh tử, biết tất cả pháp đều vắng lặng, là quán không tu trị. Hai dư sinh thân, phiền não đều hết, trị thành thì lìa chướng, sinh thân là khổ báo, phiền não là hoặc nhân, hai thứ tàn dư này đều dứt hết. Trong hiểu thắng tấn, nghe pháp sâu xa không hề nghi sợ, là đối với sâu xa mà hiểu rõ nên không nghi, đối với sâu xa mà vào được nên không sợ. Đối với hạnh thắng tấn thường hay tu là đối với pháp hạnh sâu xa của Phật không dứt. Trên là tự lợi, dưới là lợi tha. Đại bi là nêu chung, sau đó hiển bày riêng. Sâu xa nhiệm màu là bi tâm sâu. Không đâu chẳng che chở là thương vật rất rộng. Đến đây là xong phần ba.

Rốt ráo Nhất thừa đến bờ kia, xé rách lưới nghi, tuệ do tâm phát ra, đối với giáo pháp của Phật bao trùm hết không sót. Trí tuệ như biển lớn, Tam-muội như núi chúa. Ánh sáng tuệ sáng sạch hơn cả mặt trời, mặt trăng. Pháp trong trắng đầy đủ tròn đầy cũng như núi tuyết, chiếu các công đức đều sạch sẽ. Cũng như đất bằng, tất cả việc sạch như tốt xấu tâm đều không đổi khác. Cũng như nước sạch gột rửa các cấu nhiễm khổ nhọc, cũng như lửa cháy đốt sạch tất cả củi phiền não, cũng như gió lớn đi khắp các thế giới không chướng ngại, cũng như hư không, đối với tất cả không mê đắm, dính mắc, cũng như hoa sen đối với các thế gian không ô nhiễm. Cũng như Đại thừa (xe lớn) chở chuyên chúng sinh mê mờ ra khỏi sinh tử, cũng như mây nhiều lớp, sấm Đại pháp nổ vang, giác ngộ kẻ chưa giác. Cũng như mưa lớn, xối pháp cam lồ khắp thấm nhuần chúng sinh. Cũng như núi kim cương, các ma ngoại đạo không làm lay động được.

Như Phạm Thiên Vương đối với các pháp lành là trên hết, như cây Ni-câu-loại khắp che tất cả, như hoa Ưu-đàm-bát ít có, khó gặp. Như chim cánh vàng, oai đức thu phục ngoại đạo, như các du cầm không chứa nhóm. Cũng như trâu đầu đàn, không con vật nào hơn. Cũng như voi đầu đàn khéo điều phục. Cũng như sư tử đầu đàn không sợ loài thú

nào. Rộng lớn như hư không, là tâm Đại từ bình đẳng.

Thứ bốn là, thành đức thù thắng. Trong đó trước nói đức tự lợi, như Đại thừa... là nói đức lợi tha. Trong phần tự đức trước thu nhiếp điều lành cao quý. Chiếu công đức... là nói lia lõi cao quý. Trong phần thu nhiếp điều lành cao quý thì rất ráo Nhất thừa, là Bồ-đề đức tròn đủ. Thừa là dụng của hạnh, hạnh là có công năng vận chuyển thông suốt nên gọi là thừa (xe), tùy hóa độ có nhiều thừa. Thật chẳng khác là nói Nhất, nghĩa nhất khác nhau, giải thích có bốn: Một là, phân biệt gọi là nhất. Như Lai đối với ba tạng giáo tùy hóa độ chia ra ba thừa. Người cầu Thanh văn thì nói bốn đế, cầu Duyên giác thì nói Nhân duyên, cầu Đại thừa thì nói sáu độ. Giảng nói Bồ-tát trong ba A-tăng-kỳ kiếp tu hành sáu pháp Ba-la-mật hữu lậu, trong thân cuối cùng dứt bỏ kiết sử thành Phật, để phân biệt khác với ba thừa nên gọi là Nhất; hai là, phá khác gọi là Nhất. Như Lai tùy hóa độ giảng nói ba thừa, người đời nhất định chấp là chân thật nên phá khác ba thứ kia mà nói là Nhất. Nên kinh nói chỉ Nhất là thật, các thứ kia đều không thật. Cũng như ngôi thành hóa hiện, không phải chỗ nghỉ ngơi thật; ba là, hội khác gọi là Nhất. Như Lai căn bản chia Vương-xá thành ba, hội trở về gốc, nên nói Nhất. Như kinh Thắng man nói, bốn thứ không riêng gọi là Nhất, y cứ vào thật mà luận thật, do từ xưa nay không khác nên gọi là Nhất. Đối với Nhất thừa này gọi cùng tận là rất ráo. Đến bờ kia tốt quả Niết-bàn, hai thứ này là đối thứ nhất, xé rách lưới nghi, tuệ do tâm phát ra. Chứng biết ấy, dứt vọng bày chân gọi là xé rách lưới nghi. Ở đó thật hiểu phát ra nên gọi là tuệ do tâm phát. Đối với giáo pháp Phật bao trùm không sót là biết giáo ấy, hiểu rõ không sót, nên gọi là bao trùm không sót. Chứng này và giáo là Vương-xá cặp đối. Trí tuệ như biển là nói tuệ sáng sâu rộng. Tam-muội như núi là nói định cao quý, ánh sáng tuệ sáng sạch hơn cả mặt trời, mặt trăng là nói tuệ sáng. Pháp trong trắng, đầy đủ, viên mãn, cũng như núi tuyết là nói lên định sạch. Định này và tuệ là Vương-xá cặp đối. Như trên là thu nhiếp điều lành. Dưới là nói lia lõi, chiếu các công đức bình đẳng, thanh tịnh như một, pháp thuyết ấy, các đức đều sạch nên gọi là bình đẳng, thanh tịnh như một. Dưới lấy dụ mà hiển bày. Dụ riêng có sáu, văn dụ dễ biết. Trên là tự lợi, dưới là lợi tha. Có mười ba câu đều y cứ vào dụ mà hiển sáng. Cũng như Đại thừa (xe lớn) chở chúng sinh mê, gọi xe lớn ở đời là Đại thừa, là đức lợi tha của Bồ-tát. Như xe lớn ở đời gọi là Đại thừa chuyên chở chúng sinh mê ra khỏi sinh tử, các thứ kia đều có thể biết. Đến đây là xong phần bốn.

Dứt bỏ tâm ganh ghét, chẳng đố kỵ với người hơn mình, nên

chuyên ưa cầu pháp, tâm không biết thỏa mãn. Thường muốn nói rộng, ý không lười biếng. Đánh trống pháp, dựng cờ pháp, tuệ chiếu sáng mặt trời tuệ xua tan si ám, tu sáu hòa kính, thường thực hành pháp thí, chí mạnh mẽ siêng năng, tâm không yếu đuối lui sụt, làm đèn sáng cho đời, làm ruộng phước cao quý nhất, thường làm người dắt dẫn, không hề yêu ghét, chỉ ưa thích Chánh đạo, không ham các thứ khác. Nhỏ các gai ham muốn để an ổn chúng sinh, công tuệ thù thắng không ai chẳng tôn kính. Dứt hết ba dơ chướng ngại, thần thông đạo khắp.

Thứ năm là, hạnh tu siêng năng. Trong đó có năm cặp đối, đều trước tự lợi, sau lợi tha, năm đối đó khác nhau thế nào? Trước hai tự phần, sau ba thắng tấn. Ở tự phần, thì Vương-xá cặp đối trước là khởi tu phương tiện, dẹp bỏ tâm ganh ghét, không ganh ghét người hơn mình. lợi tha phương tiện, nếu tâm có ganh ghét thì chẳng thể lợi tha, cho nên phải dứt bỏ, chuyên ưa cầu pháp, tâm không biết thỏa mãn. Tự lợi phương tiện, sau đối Chánh tu. Thường muốn nói rộng, chí không biếng lười... chính là nói lợi tha. Thường muốn nói rộng chí không biếng lười là khởi nói tâm cao quý. Đánh trống pháp... là nói pháp cao quý. Nói đánh trống pháp là dụ. Văn tuệ pháp, tiếng giáo tràm khắp, gọi là đánh tiếng trống pháp dựng cờ pháp là dụ Tư tuệ pháp. Lập là dựng, nghĩa xuất ra là cờ (tràng). Nói mặt trời tuệ trừ si ám là nói tu tuệ pháp mà khai hóa chúng sinh - Tu sáu Hòa kính là nói tự lợi, hạnh thành đồng với người khác, tình không trái khác, gọi là sáu hòa kính. Thân, miệng, ý đồng là ba hòa, đồng giới, đồng thí, đồng kiến là sáu hòa. sáu hòa này đồng thân kính nhau nên gọi là sáu Hòa kính. Trong phần thắng tấn, đối Vương-xá là tu Thỉ, hai là, tu thứ, ba là, tu thành. Trong cặp đối đầu tiên thường thực hành pháp thí. lợi tha là Thỉ. Chí mạnh mẽ siêng năng tâm không lui sụt, tự độ là Thỉ - Trong cặp đối thứ hai, làm đèn sáng cho đời, làm ruộng phước... là lợi tha. Vì đời làm đèn sáng và ruộng phước trên hết là nói hóa đức cao quý. Tự đủ trí tuệ có khả năng làm cho chúng sinh hiểu, gọi là làm đèn sáng cho đời. Tự đủ công đức, có khả năng làm cho chúng sinh thực hành điều lành, gọi là ruộng phước cao quý. Thường làm người dẫn đường không hề thương ghét, chỉ ham thích chánh đạo, không mừng lo các thứ khác, là tự độ. Vui đạo tu pháp lành, lìa lỗi không sót. Trong cặp đối thứ ba, nhỏ gai ham muốn... là nói lợi tha thành, nhỏ các gai ham muốn để an ổn chúng sinh, dạy người lìa lỗi, công tuệ thù thắng, mọi người đều tôn kính. Dạy người theo điều lành, dứt bỏ ba cấu... là tự độ thành. Dứt ba dơ chướng ngại, thành tự độ đoạn đức, tham, sân, si... là ba dơ chướng ngại. Đạo chơi trong các thần

thông, thành tựu hạnh đức. Đến đây là xong phần năm.

Sức nhân, sức duyên, sức ý, sức nguyện, sức phương tiện, sức thường, sức thiện, sức định, sức tuệ, sức đa văn (học rộng), sức bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, siêng năng, thiền định, trí tuệ, chánh niệm, chánh quán, các Sức thông minh, sức đúng pháp điều phục các chúng sinh. Các năng lực như thế tất cả đều đầy đủ.

Thứ sáu là, các năng lực đầy đủ. Trước là riêng, sau là chung. Trong phần riêng thì nói tự lực đầy đủ. Đúng pháp điều phục... là năng lực hóa tha đầy đủ. Trong phần tự có bảy môn là: Sức nhân, sức duyên là môn thứ nhất, là chỗ nương để khởi tu. Chỗ tu tất cả hạnh lành ở quá khứ có công năng sinh ra điều lành, ngày nay gọi là Sức nhân. Gần Thiện tri thức lắng nghe Chánh pháp gọi là Sức duyên. Sức ý, sức nguyện là môn thứ hai. Khởi tu phương tiện cầu tâm Phật gọi là Sức ý. Khởi nguyện thực hành gọi là Sức nguyện. Sức phương tiện, sức thường, sức thiện là môn thứ ba, khởi hạnh chánh tu, y pháp khéo tu, gọi là Sức phương tiện. Y pháp luôn tu gọi là Sức thường. Y pháp chánh tu gọi là Sức thiện. Sức định, sức tuệ là môn thứ bốn, tu tâm thành tựu, tu chỉ thành tựu, gọi là Sức định. Tu quán thành tựu gọi là Sức tuệ. Bốn môn trước đây y cứ theo tu mà phân biệt. Sức đa văn là môn thứ năm, là khởi hạnh giải. Sức bố thí, giữ giới, nhẫn, tấn, định, tuệ là môn thứ sáu, nói chỗ khởi hạnh, hạnh tức là sáu độ, hai môn này y cứ vào hạnh mà phân biệt. Chánh niệm, chánh quán, các Sức thông minh là môn thứ bảy. Bốn hạnh thành đức, bỏ tướng vào thật, gọi là Chánh niệm. Lìa si thấy pháp gọi là Chánh quán. Nương hai thứ này mà thành tựu sáu thông, được ba minh, nên gọi là Sức thông minh. Một môn sau là y cứ vào đức mà phân biệt. Trên là tự lực, sức đúng pháp thành tựu các chúng sinh là nói về lợi tha. Trên nói riêng đã xong. Như thế các Sức... là kết chung. Đây là phần sáu đã xong.

Thân sắc tướng tốt, công đức biện tài, đầy đủ trang nghiêm, không ai sánh bằng. Cung kính cúng dường vô lượng các Đức Phật, thường được các Đức Phật cùng khen ngợi, rớt ráo các Ba-la-mật của Bồ-tát, tu tam muội không vô tướng vô nguyện, các môn Tam-muội, không sinh không diệt, xa lìa địa vị Thanh văn, Duyên giác.

Thứ bảy là, các đức khen chung, hiển bày cao quý. Trong đó có bốn: Một là, tự đức thù thắng; hai là, được các Đức Phật cùng khen ngợi; ba là, rớt ráo Đại thừa; bốn là, vượt hơn Tiểu thừa - Trong phần Thân sắc tướng tốt, công đức biện tài đầy đủ, không ai sánh bằng... là Tự phần được thành. Thân sắc tướng tốt không ai sánh bằng... là nói thân

cao quý. Công đức biện tài không ai sánh bằng... là nói đức cao quý. Nói đầy đủ là nói đức đầy đủ, nói trang nghiêm là nói Thân trang nghiêm. Cung kính cúng dường vô lượng các Đức Phật là do thắng tấn sinh khởi. Thứ hai là, Phật khen ngợi, tướng hiển bày có thể biết.

Trong đoạn ba, rất ráo các Ba-la-mật của Bồ-tát, là giáo hạnh trọn thành. Tu Tam-muội không vô tướng vô nguyện, không sinh không diệt... là chứng hạnh trọn thành.

Trong đoạn vượt hơn Nhị thừa, văn khá rõ có thể hiểu. Trên là khen riêng. Nay A-nan, các Bồ-tát ấy thành tựu vô lượng công đức như thế. Ta chỉ nói lược cho ông nghe mà thôi. Nếu nói rộng thì trăm ngàn muôn kiếp cũng không thể hết được.

Tổng khen chung. Trên là tám đoạn hợp thành một, nêu về việc cõi nước Phật Di-đà cao quý.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc và các trời, người rằng: cõi nước Phật Vô Lượng Thọ chúng Thanh văn, Bồ-tát có công đức trí tuệ không thể tính kể. Lại nước ấy an vui nhiệm màu thanh tịnh như thế, sao không cố gắng làm điều lành, nhớ đạo tự nhiên nương vào chỗ không trên dưới, rộng suốt không bến bờ, đều phải siêng năng siêng năng, gắng sức tự cầu, sẽ được ra đi siêu tuyệt, vãng sinh về nước An dưỡng, dứt ngang năm đường ác, đường ác tự nhiên bít lấp, lên đạo không cùng tột, dễ đến mà không người. Nước ấy không trái nghịch, tự nhiên bị lôi kéo, sao không bỏ việc đời, siêng năng cầu đạo đức, có thể được sống lâu không cùng tận, thọ vui không có cùng tột.

Thứ hai là, khuyên người vãng sinh. Phật bảo Di-lặc là bảo người đối diện, các trời, người..., nêu lên chỗ làm. Nước Vô Lượng Thọ, Thanh văn, Bồ-tát có công đức trí tuệ không thể tính kể là nhắc lại chỗ luận. Chúng Thanh văn, Bồ-tát có công đức trí tuệ không thể tính kể là luận về người trong văn trước. Lại nước nhiệm màu, an vui thanh tịnh như đây là luận về cõi trong văn trước. Sao không cố gắng... chính là khuyên vãng sinh. Trong đó có ba: Một là, chính là khuyên vãng sinh; hai là, dễ đến... là Như Lai thương xót khen ngợi; ba là, sao không bỏ... là lại khuyên vãng sinh. Trong chánh khuyên sao không cố gắng làm điều lành chính là khuyên tu nhân. Sao không gắng sức làm điều lành cầu sinh gọi là Sức làm điều lành. Niệm Đạo... là nói tu lợi ích. Người nhớ nghĩ đến đạo tự nhiên vãng sinh, gọi là niệm tự nhiên. Chỉ nhớ đạo là hạnh đức nổi tiếng, bất luận trên dưới, đều được vãng sinh, nên nói là nương vào chỗ không trên dưới. Nếu được sinh về đó thì thân thông rộng suốt không có bến bờ. Cho nên nói rộng suốt không bờ bến. Điều

phải siêng năng gắng sức mà cầu là lại khuyên tu nhân. Ất được vượt... là nói tu ích. Ất được vượt hẳn là nói chỗ thoát ra. Vãng sinh An Dưỡng là nói chỗ đến - Cắt ngang năm đường ác, đường ác tự bít lấp là nói lìa trời, người, ba đường là năm đường. Ở đây phân biệt ba đường ác dưới gọi là đường ác, hai đường trời, người gọi là đường lành. Ở đây đối với cõi tịnh Di-đà, thì năm đường ở Ta-bà đều gọi là đường ác. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là thuộc về thuần ác nên gọi là đường ác. Trời, người ở Ta-bà hướng về tạp ác cũng gọi là đường ác. Nếu y theo cõi này mà tu tập dứt bỏ thì trước phải dứt bỏ kiến hoặc, lìa Nhân ba đường, diệt quả ba đường. Sau là dứt bỏ tư hoặc, lìa Nhân trời, người, dứt quả trời, người. Dứt từ từ thì không gọi là dứt ngang. Nếu được vãng sinh cõi nước Di-đà thì năm đường Ta-bà Vương-xá dứt bỏ nhanh, nên gọi là dứt bỏ theo chiếu ngang. Cắt đứt năm đường ác, là cắt đứt quả. Đường ác tự bít lấp là lấp cửa Nhân. Đây là nói chỗ lìa. Lên đạo không cùng là nói chỗ được. Được đạo rộng sâu nên không cùng tột - Từ trên là phần thứ nhất, chính khuyên vãng sinh. Từ đây là phần hai, Như Lai thương xót khen ngợi, muốn khiến người đời cố gắng vãng sinh. Trước nói dễ đến mà không người chính là thương xót khen ngợi, tu nhân liền vãng sinh gọi là dễ đến. Không người tu nhân vãng sinh. Hiếm ít nên nói không người. Nước ấy chẳng trái nghịch là nói trước dễ đến, tự nhiên dẫn dắt là nói trước không người. Chúng sinh cõi Ta-bà từ lâu bị thói quen che lấp trí buộc, tự nhiên ràng buộc lôi kéo không đi được, nên nói không người - Từ sau đây là phần ba, lại khuyên vãng sinh - Sao không bỏ việc đời mà siêng cầu đạo đức. Khuyên người ấy tu nhân có thể được sống lâu vui sướng vô cùng, là nói tu được quả.

Từ trên là phần thứ Vương-xá nêu việc vui cao quý ở nước Di-đà khiến người nguyện cầu.

Sau đây là phần hai, nói cõi Ta-bà dơ ác đầy đầy, khiến người chán bỏ. Trong đó có bốn: Một là, lỗi ba độc phiền não; hai là, khuyên người tu xả; ba là, nêu lỗi của nghiệp khổ năm ác, năm thống, năm thiêu; bốn là, khuyên người tu xả.

Ở đoạn đầu trước nói lỗi của tham. Ở thế gian người đời cha con... là nói lỗi của sân. Như thế người đời không tin... là nói lỗi của si.

Song người đời bạc tục cùng tranh nhau việc chẳng gấp. Do đây mà đối với khổ cực ác, thân làm lụng cực nhọc để tự nuôi sống. Không cao không thấp, không nghèo không giàu, lớn nhỏ nam nữ, cùng lo tiền của, có không khác nhau. Lo lắng ưa thích, sợ hãi sầu khổ, lấm nhĩ ngợi, khiến tâm rong ruổi không lúc nào yên. Có ruộng lo ruộng, có nhà

lo nhà, có trâu ngựa lục súc, tôi tớ tiền của, ăn uống vật dụng, lại cũng lấm lo nhiều tính, nghĩ ngợi sợ hãi, như chết bất đắc kỳ tử, tai nạn nước lửa, giặc cướp, oan gia trái chủ (kẻ thù chủ nợ) lửa cháy, nước trôi cướp giựt, mất mát tiêu tan, sầu lo vội vàng, không có lúc thoát. Kết oán tức trong lòng chẳng hết sâu buồn, tâm bên ý chắc, buông bỏ không xong, hoặc bị nghiền nát thân mạng chết mất, bỏ quên mà đi, chẳng có ai theo. Tôn quý giàu có cũng bị nạn này, lo sợ muôn mối khổ nhọc như thế, gắn liền các lạnh nóng, đau đớn cùng chịu, nghèo cùng hèn hạ thiếu thốn mọi thứ. Không ruộng cũng lo muốn có ruộng, không nhà cũng lo muốn có nhà. Không trâu ngựa lục súc, tôi tớ tiền của, cơm áo vật dụng cũng lo muốn có. Vừa có Vương-xá lại thiếu một, có rồi lại thiếu, lo nghĩ có đủ, muốn xài liền có. Rồi hư hao mất mát như thế lại sâu khổ. Lại khi đòi hỏi mà không có thì nghĩ ngợi vô ích, thân tâm đều mệt nhọc đứng ngồi không yên, lo lắng theo nhau, các đau khổ như thế cũng gắn liền các lạnh nóng, đau đớn cùng chịu. Có lúc bị tội yếu mạng, không chịu làm điều lành, hành đạo tiến đức. Tuổi hết thân chết phải Vương-xá mình đi xa, nơi nào sẽ đến, đường lành đường dữ nào có biết gì.

Trong tham có ba: Một là, đối với người đời chung nói lỗi tham; hai là, tôn quý... là riêng ở người giàu sang nói lỗi tham; ba là, nghèo cùng... là đối với người nghèo hèn mà nói lỗi tham. Trong đoạn đầu, người đời bạc tục tranh việc không gấp là nói có điều ác, tức đây là người đời có phong tục tranh việc không gấp. Đây là căn cứ vào sau mà nói có khổ. Khổ có ba: Một là, khổ về cầu tài; hai là, Có ruộng... là khổ về giữ gìn; ba là, Chết ngang trái là khổ về mất mát, lia tan. Trong tìm cầu khổ đây là dựa vào khổ thân riêng làm việc để tự nuôi sống, tức vì thân mà cầu. Không cao thấp... là cầu cho người khác. Không tôn (cao) không ti (thấp), không nghèo không giàu là nên người nấng cầu. Lớn nhỏ nam nữ... là nêu cái được làm, dưới là nói có khổ. Cùng lo tiền của... là nói tâm khổ. Làm tâm rong ruổi... là nói thân khổ. Trong khổ giữ gìn, có ruộng lo ruộng, có nhà lo nhà, như thế... các việc là nói về khổ ấy. Lấm nghĩ nhiều lo... là kết. Trong khổ mất mát, chết ngang trái, tai nạn lửa cháy nước trôi, cướp bóc... là nói khổ mất tiền của. Hoặc bị nghiền nát... là nói khổ mất thân. Tiếp là đối với người giàu sang mà nói lỗi của tham, văn hiển bày rõ có thể biết. Dưới là đối với kẻ nghèo hèn mà nói lỗi của tham. Văn có ba: Một là, khổ về cầu tài; hai là, hoặc có lúc... là nói khổ mất thân; ba là, không chịu... là nói khổ ở mai sau - Trong khổ cầu tài, văn riêng có năm: Một là, nay không có việc gì mà lo rầu sinh khổ; hai là, Vừa có một... có ít việc, nói rõ không đáng khổ; ba là, vừa

muốn... là đối với việc đã được nói khổ tan lìa, mất mát; bốn là, Trong khi đòi hỏi... là nói trong lúc tìm cầu không được mà khổ; năm là, cũng gắn liền... là nói trong lúc tìm cầu thì gặp nóng lạnh các khổ. năm thứ này hợp thành khổ cầu tài. Khổ mất thân và khổ ở mai sau, văn hiển bày rõ có thể biết.

Người thế gian, cha con anh em, chồng vợ gia đình, thân thuộc trong ngoài phải kính yêu nhau, không ghen ghét nhau, có không chung nhau. Không được tham tiếc. Lời nói và sắc mặt thường hòa hợp không chống trái nhau. Hoặc khi tâm tranh cãi có sự giận hờn. Đời nay ý hận nhỏ nhất, ganh ghét nhau chút ít nhưng đời sau sẽ trở thành oán lớn. Vì sao? Vì việc thế gian hoạn nạn hại nhau tuy không tức thời nhưng nên mau phá bỏ. Nếu nuôi độc chứa giận, tinh thần kết hận tự nhiên khắc biệt, không được lìa nhau, phải đối nhau mà sinh để trả quả báo cho nhau. Người đời ở thế gian sống trong ái dục, sống một mình, chết một mình, tới lui một mình, khi đi lúc đến, ở trong khổ vui thân tự chịu lấy, không ai thay thế, thiện ác biến hóa, tội phước khác chỗ. Suốt đêm dự bị, đợi chờ nghiêm nhặt, rồi phải một mình ra vào, đến chốn xa xôi, không ai thấy biết. Lành dữ tự nhiên đi theo chỗ thọ sinh mù mù mịt mịt, chia lìa dài lâu, đường sá khác nhau, gặp nhau không có ngày, rất khó được gặp lại. Sao không bỏ các việc, nhân lúc còn cường tráng mạnh khỏe mà gắng sức siêng năng tu điều lành, siêng năng nguyện vượt ra cuộc đời, có thể được sống lâu mãi mãi. Sao không cầu đạo, còn đợi chi, muốn vui nào nữa?

Trong phần nói lỗi của sân, văn có ba: Một là, dùng lý giáo mà khuyển, phải thương yêu nhau, không ganh ghét nhau. Có không phải chung nhau, không nên tham tiếc. Lời nói và sắc mặt hòa hợp không chống trái nhau; hai là, khi tâm có tranh cãi... là nói rộng lỗi của sân; ba là, sao chẳng bỏ... là khuyển tu hỷ xả - Trong lỗi thứ hai, riêng có ba: Một là, nói lỗi oán hại ở vị lai; hai là, Người tại thế... là nói có lỗi đường ác ở đời sau; ba là, trong chỗ thọ sinh mù mù mịt mịt... là nói lỗi chia lìa khó đoàn tụ - Đoạn thứ ba là, khen xả, có thể biết.

Như thế người đời chẳng tin làm lành được lành, làm Đạo được đạo. Chẳng tin người chết rồi sống lại.

Tuệ thí được phước, việc thiện ác đều không tin, cho là không phải thế, không bao giờ có như vậy. Do lấy đó làm quan điểm nên nhìn đâu trước sau đều như thế. Lại theo lệnh cha và các tiên nhân tổ phụ từ trước không hề làm việc lành, không biết đạo đức. Thân tâm ngu mê, tâm ý lấp bít đường sinh tử, nẻo thiện ác, tự mình không thấy, cũng không

ai nói, việc lành dữ, họa phước tranh nhau làm, không cho là lạ. Đạo thường sinh tử cứ thế nối tiếp nhau. Hoặc cha khóc con hoặc con khóc cha, anh em chồng vợ lại cùng khóc nhau, lộn ngược trên dưới, cội gốc vô thường đều phải trải qua, chẳng thể giữ còn mãi. Có khai đạo chỉ vẽ thì người tin rất ít, do đó sinh tử trôi lăn không hề dừng nghỉ. Người như thế ngu mê bướng bỉnh, không tin kinh pháp, tâm không lo xa, chỉ muốn ý được. Vui ngu muội với ái dục, không hiểu đạo đức, mê muội với nóng giận, ham hố tài sắc nên chẳng được đạo, lại phải chịu khổ ở đường ác, sinh tử vô cùng. Thật đáng thương thay. Hoặc khi trong nhà cha con anh em chồng vợ, một người chết một người sống càng thương xót nhau, ân ái yêu thương nhau, lo rầu trói chặt, tâm ý đau khổ, ngó quanh thương tiếc, trọn năm hết tháng không cởi mở ra được. Dạy nói đạo đức tâm không mở mang, nghĩ ngợi ân tốt, không lìa tình dục mê muội tối tăm, bị ngu lầm che lấp, không thể tính toán kỹ càng, để tâm tự ngay thẳng chuyên tinh hành đạo, quyết đoạn dứt việc đời, lòng vòng đến cuối cùng thì già chết đến nơi mà không được đạo, còn biết làm sao? Nhiều việc rối rắm đều do tham ái dục. Kẻ mê thì nhiều mà người ngộ quá ít, thế gian bỗng chốc chẳng thể cậy nhờ, cao thấp trên dưới, giàu nghèo sang hèn, nhọc nhằn cơ cực, thường có tâm sát độc, khí ác bưng bưng, làm việc dối trá, trái nghịch trời đất, chẳng theo lòng người, tự nhiên trái ác, tùy đó mà mặc tình làm ác. Đến khi tội quá nặng, dầu tuổi thọ chưa hết mà phút chốc cướp ngang. Sau bị đọa vào đường ác nhiều kiếp khổ nhọc, xoay vần trong đó mấy ngàn ức kiếp không có ngày ra. Đau đớn chẳng thể nói, thật rất đáng thương.

Nói lỗi của si, văn riêng có hai: Một là, nói có si; hai là, đường sinh tử thường cứ thế nối nhau là nói lỗi của si. Trong đó có hai: Một là, nói người si không có niềm tin chính chắc; hai là, Lại nhìn nhau,... là chỉ tin lời người khác nói. Trong phần tự không tin, trước là luận riêng. Chỉ ngồi đó... là kết chung, hiển bày lỗi lầm. Vì không tin nên chấp sự thấy biết của mình, đó là lỗi. Tin lời người thì nhìn, trước sau đều thế. Bất chước người khác. Nghe theo lời... là vâng theo ông bà. Trong vâng theo lệnh cha là nói con không biết cha tà. Nói tiên nhân ông bà... là nói cha ngu si ngang bướng khiến con không biết. Trong đó bốn câu: Một là, nói ông bà không hề làm lành, là nói không có hạnh; hai là, chẳng biết đạo đức là nói không hiểu; ba là, Thân tâm ngu mê, tâm ý bị lấp bít, sinh tử lành dữ tự mình không thấy, không có ai nói, lại nói không hiểu. Câu không hiểu trước là nói không biết đường ra, câu không hiểu này là nói không biết thế gian lành dữ nhân quả. Đường sinh tử không thể tự thấy

là không biết quả, đường lành dữ không thể tự thấy là không biết nhân. Với nhân quả tự tâm không biết, người khác không ai nói nên không bao giờ hiểu; bốn lành dữ họa phước đều làm, chẳng hề thấy lạ là lại nói không có hạnh. Câu không hạnh trước là nói không làm lành, câu không hạnh này là nói gây việc ác. Tự mình làm ác người khác không nói, cho nên không bao giờ lia bỏ.

Từ trên Vương-xá đoạn là nói có si, dưới là nói lỗi của si. Trong đây có bốn: Một là, do si mà cha con khác nhau; hai là, Như người này... là nói do si mà gây việc ác chịu khổ; ba là, Hoặc gia đình... là nói do si mà thân thích nhớ nhau; bốn là, nói chung... là nói do si mà gây việc ác chịu khổ - Trong phần đầu trước nói cha con khác nhau. Lời dạy... là nói khó hiểu. Ấy vì sinh tử trôi lăn không thôi... là luân hồi - Trong đoạn hai, câu riêng có năm: Một là, Nói người si này ngu muội ngang bướng không tin kinh pháp, các việc làm chỉ muốn khoái ý; hai là, mê lầm bởi ái dục, không thấu suốt đạo đức; ba là, mê lầm tức sân giận, ham hố tài sắc; bốn là, đối với ba thứ trước không được Chánh đạo chịu nhiều các khổ, càng vào đường ác, là nói có khổ nặng, sống chết vô cùng là nói có khổ sâu; năm là, thương ôi... là nói Như Lai thương xót khen ngợi khiến người chán bỏ - Trong đoạn thứ ba, câu riêng có ba: Một là, do si mà thân thích nhớ nhau, không thể cởi mở; hai là, tư tưởng... là nói do nhớ nhau mà không thể tu điều lành; ba là, càng lòng vòng... là do không tu điều lành nên chẳng thể được đạo. Đoạn bốn, câu riêng có bốn: Một là, ngu muội nên khởi tham, tìm xét việc đời, nhiều việc rối rắm tham dục ái.; hai là, Có tâm giết hại,... vì ngu muội nên khởi giận hờn, giết hại lẫn nhau. Luôn có tâm độc giết hại, khí sát bưng bưng, làm việc đối trá; ba là, tự nhiên... là nói do việc ác trước nên chịu khổ khó thoát ra, người gây ra tội do năng lực tội lỗi đời trước tự nhiên với lấy các tội cực rồi thì chớp mắt mất mạng, liền đọa vào đường ác chịu khổ không cùng; bốn là, đau xót chẳng thể... là Như Lai thương xót khen ngợi khiến người sinh chán - Như trên là rộng nêu lỗi ba độc. Từ đây là thứ hai khuyên người tu xả. Trong đó có bốn: Một là, chính khuyên tu xả; hai là, Di-lặc phân bày; ba là, lại khuyên tu xả; bốn là, Di-lặc vâng làm.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc và các trời, người rằng: ta nay bảo ông việc thế gian người thực hành như thế nên chẳng được đạo. Phải suy tính kỹ lưỡng, xa lìa các đường ác, chọn các điều lành siêng năng mà làm. Ham muốn vinh hoa chẳng thể giữ mãi (còn hoại), đều sẽ chia lìa chẳng nên ham thích - gặp Phật ở đời phải nên siêng năng siêng năng. Ai có chí nguyện muốn sinh về nước An Lạc thì có thể được trí tuệ sâu xa, công

đức thù thắng, chớ nên tùy theo ý muốn mà trái với kinh giới. Người sau nếu có ý nghi không hiểu kinh thì nên hỏi Phật. Phật sẽ nói đầy đủ.

Trong đây có hai: Một là, khuyên người tu hành; hai là, nếu có nghi... khuyên người thưa hỏi. Khuyên tu có ba: Một là, nêu lỗi trước khuyên người tu đoạn. Phật bảo Di-lặc việc thế gian việc làm như thế nên không được đạo. Phải nên... là khuyên suy nghĩ kỹ, xa lìa các điều ác, khuyên người bỏ lỗi, tức là lìa tham sân si, các điều ác ở trước. Chọn điều lành mà làm là khuyên tu đối trị; hai là, tham muốn... là nêu đời có lỗi năm dục vô thường, khuyên người tu xả; ba là, Gặp Phật... là nêu Phật hiện tại khuyên người siêng tu. Trong đó, trước nêu Phật hiện tại (còn sống) chính là khuyên tu hành, người có chí nguyện... là nói lợi ích khuyên làm. Trí huệ sáng suốt là được trí cao quý. Công đức tốt đẹp là được phước cao quý. Chớ nên... là nêu mất mà khuyên răn.

Như trên là khuyên làm khuyên hỏi, có thể biết.

Bồ-tát Di-lặc quỳ thẳng bạch Phật rằng: oai thần Phật rất tôn quý, nói ra rất tốt, con nghe lời kinh suốt tâm suy nghĩ, người đời thật như thế, đúng như lời Phật nói. Nay Phật thương xót chỉ bày đạo lớn, tai mắt con mở sáng mãi được độ thoát. Nghe lời Phật nói ai cũng vui mừng. Trời, người các loài máy cựa đều được từ ân, giải thoát sâu khổ. Lời Phật dạy răn rất sâu rất lành. Trí tuệ sáng suốt thấy rõ tám phương, trên dưới, các việc quá khứ hiện tại vị lai đều thông suốt. Nay chúng con nhờ đó được độ thoát. Đều do đời trước khi Phật cầu đạo khổ nhọc vô cùng, ân đức che khắp, phước lộc vôi vọi, ánh sáng suốt chiếu đến không cùng tận. Mở đường vào nê-hoàn, dạy trao kinh điển, oai thế tiêu hóa, cảm động mười phương, vô cùng vô tận. Phật là Pháp vương, tôn quý vượt hơn các Thánh, khắp làm thầy tất cả trời, người, tùy tâm nguyện mà đều khiến được đạo. Nay được gặp Phật, lại nghe nói về Phật Vô Lượng Thọ, đều rất vui mừng, tâm được mở sáng.

Thứ hai là, Di-lặc hiểu rõ. Trong đó có hai: Một là, chánh hiểu; hai là, nay được gặp... là vui sướng tự mừng. Phần một có bốn: Một là, khen Phật sắp nói, suốt tâm suy nghĩ, người đời thật như thế, thành lời sắp nói, thấy nghĩa là thông. Suốt tâm suy nghĩ, người đời thật chạy theo ba độc mà không được đạo, nên gọi là thật; hai là, Phật nói... là Phật ban từ hòa; ba là, Phật dạy răn... là khen lời Phật rất sâu rất lành. Trong đó trước khen nói sâu lành, trí tuệ sáng suốt là nêu trí thật nói; bốn là, nay chúng con lại khen ân Phật, chúng con nhờ đó được độ thoát... là nêu nguyên do Phật siêng năng khổ nhọc tu đạo, nay được quả Phật, hóa đạo chúng con nên được giải thoát, đều do đời trước Phật cầu đạo rất

khổ nhọc, là nêu Nhân Phật - Ân đức khắp... là nói quả Phật. Ân đức che khắp là nêu chung đức của Phật. Phước lộc vôi vọi là hiển bày riêng. Phật là Pháp vương... là chung khen chung. Trong phần riêng, trước nói phước lộc vôi vọi, ánh sáng chiếu suốt là nói tự phước tốt đẹp. Đạt được không không cùng là tự trí hơn hẳn. Mở đường vào Nê-hoàn, dạy trao kinh điển là dùng trí giáo hóa làm lợi ích. Mở đường vào Nê-hoàn là dạy người chứng diệt. Dạy trao kinh điển là dạy người theo Đạo. Đạo pháp dạy đời gọi là dạy trao. Dùng kinh điển này gom lấy các nghĩa khiến chúng sinh tập học nên gọi là điển lãm. Oai thế tiêu phục... là dùng phước đức giáo hóa làm lợi ích chúng sinh ngang bướng, oai đức chế phục khiến phải tiêu tan theo về thánh hóa, nên gọi oai thế tiêu phục. Khéo làm nhu nhuyễn chúng sinh, dùng sức từ thâm giữ, oai danh cảm động mười phương người có duyên thì được hóa độ. Danh vô cùng tận chung khen có thể biết. Như trên là hiểu rõ, nay được gặp Phật, nghe nói về Phật Vô Lượng Thọ đều vui mừng, tâm được mở mang (mở sáng). Vui mừng tự mừng. Đoạn thứ hai này là Di-lặc hiểu rõ.

Từ sau là phần thứ ba, lại khuyên tu xả (bỏ). Trong đó có bốn: Một là, khen Di-lặc hiểu, mang ấn Phật; hai là, Di-lặc ông phải biết từ vô số kiếp đến nay... là mừng Di-lặc gặp Phật nghe pháp và được nghe nói về Đức Vô Lượng Thọ; ba là, nay ông cũng nên tự nhàm chán... là chánh khuyên tu hành; bốn là, các ông nên đều siêng năng... là khuyên bỏ nghỉ ngơi. Phật bảo Di-lặc rằng: ông nói như thế, nếu có kẻ thương kính đối với Phật thì thật là lành lớn. Trong thiên hạ, lâu năm mới có Phật ra đời. Nay ta cõi đời này thành Phật, giảng nói kinh pháp, tuyên nói đạo giáo, xé rách các lưới nghi, nhổ gốc ái dục, đóng bít các nguồn ác, đến khắp ba cõi không có trở ngại, điển lãm trí tuệ các yếu Đạo, giữ gìn giềng mối, chiếu xét rành rẽ, mở bày năm đường, độ người chưa độ, chóng dứt sinh tử mà vào đạo nê-hoàn.

Trong phần đầu, Phật bảo ông nói như thế, là ấn chứng Di-lặc khen lời Phật nói rất sâu rất lành. Lời này hợp lý nên gọi là như thế. Nếu có từ... là khen Di-lặc trước hiểu, mang ân Phật. Di-lặc thương Phật đời trước khổ nhọc vì chúng sinh mà chí cầu Phật Đạo nên gọi là từ Phật, kính mang ân Phật, gọi là kính Phật. Đây thật là lành lớn. Trong thiên hạ lâu lắm mới có Phật là nêu Phật giáo hóa làm lợi ích đã nói trước. Thiên hạ lâu lắm... là nói Phật rất khó gặp. Nay ta... là nói mình giáo hóa làm lợi ích. Trong đó có bốn: Một là, nói mình thành Phật đem pháp dạy đời; hai là, dứt các... do Phật hóa hiện dạy các chúng sinh dứt bỏ các nhân sinh tử, xé rách các lưới nghi, nhổ gốc ái dục, khiến lia

phiền não, lấp bít các nguồn ác, khiến lìa nghiệp ác. Đổ cũng là lấp. Nghiệp ác là gốc của đường ác nên gọi là nguồn ác, dạy khiến lấp bít nên gọi là đổ (lấp bít); ba là, đi khắp... là nói mình thành Phật, đem pháp dạy đời, đi khắp ba cõi không trở ngại, là thân nghiệp hóa độ. Thân hóa tự tại nên không trở ngại, điển lẫm trí huệ các đạo cốt yếu là ý nghiệp hóa độ. Khéo hiểu kinh điển, nắm biết các nghĩa gọi là Trí điển lẫm. Khéo biết ba thừa, việc làm cốt yếu gọi là các đạo cốt yếu, nắm giữ giềng mối chiếu xét rành rẽ, mở bày năm đường là khẩu nghiệp hóa độ. Nắm pháp giữ chúng gọi là nắm giềng mối, luận chánh khác tà gọi là chiếu xét rành rẽ. Dùng hóa độ chúng sinh gọi là mở bày năm đường; bốn là, Độ kẻ chưa độ... Do Phật dạy đời cứu các chúng sinh ra khỏi quả sinh tử. Độ kẻ chưa độ, quyết chánh là sinh tử, khiến ra khỏi sinh tử, đến đạo nê-hoàn là khiến được Niết-bàn. Nêu giáo hóa làm lợi ích này là kể lại việc Di-lặc khen ngợi và hiểu rõ. Đoạn đầu này đã xong.

Này Di-lặc, phải biết từ vô số kiếp đến nay, ông tu hạnh Bồ-tát muốn độ chúng sinh, đã từ lâu xa ông theo ta mà được đạo nê-hoàn, không thể tính kể. Ông cùng tất cả trời, người, bốn chúng, mười phương từ nhiều kiếp đến nay đã trôi lăn trong năm đường, sâu khổ đờn đau chẳng thể kể xiết. Cho đến đời này sinh tử chưa dứt. Nay được gặp Phật nghe nhận kinh pháp, lại được nghe nói về Phật Vô Lượng Thọ, rất lành thay, ta rất mừng cho ông.

Thứ hai là, mừng Di-lặc gặp Phật nghe pháp và nghe nói về Phật Vô Lượng Thọ. Trong đó có ba: Một là, nói Di-lặc tu đến nay đã lâu; hai là, cho đến... là nay gặp Phật nghe pháp và nghe nói về Phật Vô Lượng Thọ; ba là, rất lành thay... là Như Lai mừng. Trong phần đầu nói: ông từ vô số kiếp đến nay tu hành muôn độ chúng sinh, đã rất lâu xa, từ khi ông được đạo đến nhập Niết-bàn không thể tính kể, là nói thành thánh đến nay đã lâu xa. Ông và các trời, người mười phương... là nhiều kiếp đến nay đờn đau sâu khổ không thể kể xiết, là cực khổ nhiều. Vĩnh cũng như trường (rất nhiều kiếp) nhờ nhiều nhân này mà nay được gặp Phật, nghe nói về Đức Phật Vô Lượng Thọ là rất đáng mừng: Đến đây là xong phần hai.

Nay ông cũng nên tự nhàm chán sinh già bệnh chết rất đau khổ. Bày ác chẳng sạch không đáng ưa thích. Ông phải tự quyết đoán, thân ngay hạnh chánh, làm nhiều điều lành, sửa mình trong sáng, gột bỏ tâm dơ, lời nói việc làm trung tín, trong ngoài tương ứng. Người có khả năng tự độ, cứu giúp lẫn nhau, tinh sáng cầu nguyện, chữa nhóm gốc lành. Tuy một đời cần khổ, trong chốc lát liền sinh về nước Vô Lượng Thọ,

vui sướng vô cùng, mãi cùng đạo đức hợp sáng, nhỏ hẳn cõi rẽ sinh tử. Không còn nạn tham giận, ngu si khổ não. Muốn sống Vương-xá kiếp, trăm kiếp, ngàn muôn ức kiếp đều được tự tại tùy ý, vô vi tự nhiên, ở kế sau đạo Nê-hoàn.

Thứ ba là, chính khuyên tu hành, nói đối với Di-lặc, ý gồm tất cả. Trong đó trước chánh khuyên tu hành. Tuy một đời... là nói lợi ích khuyên chúng sinh. Phần giữa có ba: Một là, khuyên bỏ lỗi; hai là, vững mình... là khuyên tu pháp lành; ba là, người có khả năng... là khuyên làm lợi ích chúng sinh. Trong phần khuyên bỏ lỗi. Ông nên tự nhàm chán... là khuyên sinh tâm nhàm chán sinh già bệnh chết, đó là nội khổ bên trong. Nói đau đớn là khổ. Bày ác chẳng sạch không đáng ưa thích, phải tự quyết đoán là bày lỗi khiến bỏ. Trong phần khuyên tu điều lành, vững mình chánh hạnh, đó là chỉ thiện, làm nhiều điều lành đó là làm thiện. Sửa mình trong sáng, gạt bỏ tâm dơ là khuyên tu ý hạnh, tu thân là tác thiện, các thứ kia là chỉ thiện, lời nói việc làm trung tín, trong ngoài thích ứng là khuyên tu khẩu hạnh. Lời nói việc làm trung tín là làm thiện, trong ngoài thích ứng là chỉ thiện. Ngôn là ngoài, tâm là trong. Lời nói không trái tâm, nên gọi là tương ứng. Trong khuyên lợi tha, người có khả năng tự độ là nhắc lại tự đức ở trước, cùng cứu giúp nhau là chính khuyên lợi tha. Cùng cứu giúp nhau là dạy người lìa lỗi, tinh sáng cầu nguyện, chứa nhiều gốc lành, hoá độ người thành tốt lành. Tinh sáng cầu nguyện là dạy người khởi nguyện, chứa nhiều gốc lành là dạy khởi hạnh - Trên là khuyên tu, dưới là nói lợi ích khiến người tu học. Tuy một đời siêng năng khổ nhọc như trong khoảng phút chốc, nhưng khi tu thì gấp rút. Đời sau... là được lợi ích lâu dài. Trong đó trước nói được lợi ích lâu dài vô vi tự nhiên, kế ở sau Nê-hoàn được lợi ích tốt đẹp. Trong phần được lợi ích lâu dài thì câu riêng có bốn: Một là, Nói đời sau ở cõi nước Phật Vô Lượng Thọ vui sướng không cùng, hưởng vui lâu dài; hai là, dài lâu hợp sáng với đạo đức thì thành đức dài lâu. Thân và phước đầy đủ gọi là đạo đức hợp, Tâm và trí đầy đủ gọi là hợp sáng; ba là, cứu giúp mãi mãi là lìa lỗi dài lâu. Trong đó, cứu giúp mãi mãi cõi gốc sinh tử, xa lìa dài lâu nghiệp nhân, không còn tham... là xa lìa hẳn phiền não, không còn bị nạn khổ não, xa lìa hẳn khổ báo; bốn là, muốn sống lâu... là tuổi thọ dài lâu. Đây là xong đoạn ba.

Các ông phải nên siêng năng, cầu chỗ nguyện của tâm, không được nghi hoặc, hối hận nửa chừng, tự làm tội khổ mà sinh vào điện bảy báu ở biên địa suốt năm trăm năm, phải chịu các hiểm nạn.

Thứ bốn là, khuyên bỏ nghi ngờ. Các ông phải nên siêng năng...

là khuyên chuyên tu, không được nghi ngờ... là khuyên bỏ nghi ngờ. Sinh vào cung điện... là nêu lỗi khuyên bỏ - Như trên là phần thứ ba, lại khuyên tu bỏ.

Di-lặc bạch rằng: con xin vâng lời Phật dạy, chuyên siêng năng học, y theo lời dạy vâng làm, không dám nghi ngờ.

Thứ bốn là, Di-lặc hiểu ý vâng làm. Trong đó trước nói theo lời Phật dạy răn siêng năng tu học, đúng lời dạy vâng làm. Hiểu lời Phật khuyên tu, nói rõ mình vâng làm không dám nghi ngờ nghĩa là hiểu lời Phật dạy khuyên bỏ nghi ngờ, bày rõ mình không nghi ngờ.

Từ đây thứ ba, nêu rộng năm điều ác, năm thứ Thống, năm thứ Thiêu là lỗi của khổ nghiệp, khiến người chán bỏ. Trong đó, trước là chung, những gì... là sau riêng. Phật bảo Di-lặc: ta bảo các ông... là lại luận chung.

Phật bảo Di-lặc rằng: các ông nên ở đời này mà giữ tâm ý cho ngay thẳng, không làm các điều ác, đức rất là lớn, thế giới mười phương không ai sánh bằng. Vì sao? Vì các loài trời, người trong các cõi nước các Đức Phật tự nhiên làm lành không làm các điều ác, dễ được khai hóa. Nay ta ở thế gian đó thành Phật, ở trong năm điều ác, năm thứ Thống, năm thứ Thiêu làm các việc rất khổ, giáo hóa chúng sinh khiến bỏ năm điều ác, khiến bỏ năm thứ Thống, khiến bỏ năm thứ Thiêu, hàng phục ý họ khiến giữ năm điều lành, được các phước đức, độ đời sống lâu, được đạo Nê-hoàn.

Y cứ vào phần chung ở đầu, văn riêng có bốn: Một là, khen trước khởi sau, khen Di-lặc hiểu làm trước; hai là, nay ta... là nói ý hóa độ của mình vì hóa độ chúng sinh khiến họ lìa bỏ năm điều ác, năm thứ Thống, năm thứ Thiêu, khiến giữ năm điều lành được năm phước đức. Trong phần đầu nói ở trong đời ác này mà ngay thẳng tâm ý không làm các điều ác, đức rất là lớn. Đó là chánh khen. Thế giới mười phương không ai sánh bằng là mượn đối phương để nói sự vượt hơn. Sở dĩ... là giải thích, trước nêu chứng cứ, sau giải thích. Ở cõi nước các Đức Phật tự nhiên làm điều lành, không làm các điều ác, dễ được khai hóa là nêu ý chỉ hiển bày khó khăn, thành ở đây là hơn. Ở đoạn sau, nay ta ở thế gian này thành Phật là nói mình thành Phật. Ở trong đời ác là nói chỗ hóa độ của mình. Khiến bỏ năm... là nói ý hóa của mình. Vì hóa độ chúng sinh khiến được thoát ra, khiến có chỗ đạt được. Khiến được thoát ra là ra khỏi năm điều ác, năm thứ Thống, năm thứ Thiêu. Năm giới ngăn ngừa là giết, trộm, tà dâm, nói dối, uống rượu là năm điều ác. Gây ra năm điều ác này thì hiện đời bị nhà nước trị tội, thân gặp nguy hiểm. Nói

năm thứ thống là do năm điều ác này mà ở đời vị lai phải chịu quả báo trong ba đường. Nói năm thứ Thiêu là do đây mà có, làm cho phải chịu. Hàng phục hóa độ ý họ là hàng phục khiến họ phải theo phép, khiến giữ năm điều lành chính là năm giới, trái lại là năm điều ác - Được phước là do giữ năm giới này mà ở đời hiện tại thân an không khổ, trái lại là năm thứ Thống. Độ đời sống lâu, vào đạo Nê-hoàn là sau sinh về cõi Phật Di-đà, cuối cùng được Niết-bàn, trái lại là năm thứ Thiêu.

Phật nói: những gì là năm điều ác, năm thứ Thống, năm thứ Thiêu? Làm sao để tiêu trừ năm điều ác, khiến giữ năm điều lành phước đức. Độ đời sống lâu, vào Đạo Nê-hoàn.

Thứ ba là, ở trong riêng, những gì là năm điều ác, năm thứ Thống... là hỏi trước khởi sau, dưới là đối riêng mà luận, trong mỗi môn thì đều trước nói điều ác sau nói điều lành.

Điều ác thứ nhất là các loài trời, người máy cựa muốn làm các điều ác đều như thế, kẻ mạnh hiếp yếu, cướp bóc lẫn nhau, giết chóc tàn hại nhau, tha hồ ăn nuốt lẫn nhau, không biết tu điều lành, ác nghịch không có đạo đức, sau phải chịu hình phạt, tự nhiên hưởng tới, thần minh nhớ biết. Không tha kẻ phạm tội, nên có kẻ nghèo cùng hèn hạ cô độc ăn xin, điếc mù câm ngọng, ngu si xấu ác, cuồng điên què quặt. Lại có kẻ giàu sang cao quý, tài cao sáng suốt... đều do đời trước từ hiếu hết mực tu lành chứa đức. Đời có đạo thường (luật pháp) không sợ phép vua luật nước tù đầy, làm ác bị tội phải chịu hình phạt, mong cầu giải thoát khó được thoát ra. Thế gian có việc ấy, sự việc hiện tại, chết rồi sinh sang đời sau lại càng khổ hơn, vào chốn tối tăm, chuyển đời thọ thân khác. Vì như phép vua cực hình khổ nên tự nhiên có nhiều đường vô lượng khổ não, chuyển đổi thân ấy, thay hình đổi dạng khác thường, tuổi thọ dài ngắn khác nhau, thần hồn rõ biết tự nhiên đi đến, chỉ có một mình. Cùng sinh lẫn nhau để trả báo cho nhau, không hề ngưng nghỉ. Tội Ác chưa hết thì không được lìa nhau, cùng thay đổi nhau, ở đấy không ngày thoát ra, khó được giải thoát, đau đớn không kể xiết. Trong đất trời tự nhiên có việc như thế, tuy không tức thời bạo ác đến ngay nhưng nẻo thiện ác đều theo về. Đó là Vương-xá Đại Ác, một Thống, một Thiêu, đau khổ như thế. Ví như lửa lớn đốt thân người. Người nào có khả năng ở trong đó mà nhất tâm chế phục ý mình, dứt thân chánh hạnh, làm các điều lành, không làm các điều ác thì thân được độ thoát, được các phước đức, vượt đời lên trời, vào đạo Nê-hoàn. Đó là điều lành lớn thứ nhất.

Trong môn đầu, trước nói điều ác, sau trở lại nói điều lành. Trong

các điều ác đầu tiên là nói Vương-xá điều ác, là nêu chung, kể luận, sau kết, dưới dụ để nói lỗi. Trong luận thì trước nói ác giết hại. Đời có thường đạo (luật pháp) phép vua... là y cứ vào giết hại mà nói khổ. Chết rồi... là đối với giết mà nói Thiêu. Trong điều ác trước nói trời, người, các loài... là nói người gây ra Ác. Muốn làm điều ác... là nói. Không biết tu... là nói lỗi gây ra ác. Trong phần đầu chính là nói lỗi. Lại kể giàu sang... là nêu lên được mất. Thống và Thiêu có thể biết, đó là chung sau. Ví như... là dụ nói tướng của Thiêu. Trong phần nói về điều lành thì trước luận, sau kết. Trong luận, trước nói người hay ở trong đó... chính là nói làm lành, ngược lại đối với điều ác ở trước thân riêng độ thoát, được phước đức là trái đối với thống, trái đối với thiêu. Đó là kết sau.

Phật nói điều ác thứ hai là, người trong thế gian cha con, anh em, vợ chồng đều không có nghĩa lý. Không thuận phép tắc, dâm dăng kiêu mạn đều muốn khoái ý, tha hồ buông lung, lừa dối lẫn nhau. Tâm miệng trái nhau, nói nghĩ không thật, dua nịnh bất trung, xảo trá lừa đảo, ganh ghét người hiền thiện, hãm hại người vào vòng oan nghiệt. Kẻ trên thì không rõ, lợi dụng bầy tôi, bầy tôi thì tha hồ dối trá, nhiều cách qua mặt pháp luật, cậy ý thế lực, ở địa vị bất chánh, làm việc dối lừa, mất cả trung kiên, không hợp lòng trời. Tôi thì dối lừa vua, con dối lừa cha, anh em chồng vợ bạn bè quên biết trong ngoài lại lừa dối nhau. Luôn có tâm ham muốn, sân giận, ngu si, chỉ muốn làm lợi cho riêng mình, có nhiều tham muốn, trên dưới trên dưới tâm coi như nhau. Tan nhà mất mạng chẳng đoái hoài trước sau. Thân thuộc trong ngoài bị tội diệt tộc. Hoặc lúc đó người nhà bè bạn, láng giềng người trong thôn chợ, kẻ ở rừng núi ngu si cùng theo sự việc mà giết hại nhau, giận hờn nhau kết thành oán. Ham thích ái nặng nề, thân khổ tâm mệt, như thế cuối cùng, không chỗ nương nhờ, riêng mình đến, riêng mình đi, không Vương-xá ai theo. Lành dữ họa phước theo mạng sinh ra, hoặc ở chỗ vui, hoặc vào khổ độc. Sau mới sửa đổi đâu còn kịp nữa. Người ở thế gian tâm ngu trí kém, thấy điều lành chê ghét chẳng chút mến mộ. Chỉ muốn làm điều ác, muốn làm điều không đúng pháp, thường có tâm trộm cướp, mong ham lợi của người, tiêu xài hết rồi lại càng đòi hỏi. Tà tâm bất chánh. Sợ người có sắc, chẳng dự bị tính toán, việc xảy ra mới ăn năn. Đời này hiện có phép vua tù tội, tùy tội mà chịu hình phạt. Vì đời trước không tin đạo đức, không tu gốc lành, nay lại làm điều ác, thiên thần rõ biết, ghi vào sổ sách. Khi tuổi thọ hết chết đến thì liền đọa vào đường ác. Nên có ba đường tự nhiên, khổ não không cùng, trôi lăn trong đó, nhiều đời nhiều kiếp không có ngày ra, khó được giải thoát, đau khổ khó kể xiết.

Đây là điều Đại Ác, một Thống, một Thiêu thứ hai, đau khổ như thế. Ví như lửa lớn đốt thân người. Người nào có khả năng ở trong đó nhất tâm chế phục ý mình, đoạn thân chánh hạnh, làm các điều lành, chẳng làm các điều ác thì thân miệng độ thoát được các phước đức, sinh lên cõi trời, vào Đạo Nê-hoàn. Đó là hai điều lành lớn sau .

Trong môn thứ hai, trước nói điều ác sau nói điều lành. Trong điều ác thì trước nêu, kế luận, sau kết, dưới dụ để bày rõ. Trong phần luận thì trước nói điều ác. Đời nay có phép vua... là nói về thống thứ hai. Vì đời trước không tin... là nói về Thiêu thứ ba. Trong điều ác lại trước nói người gây ra điều ác đều không có nghĩa lý... là chánh nói gây ra điều ác. Phá nhà... là nói lỗi gây ra điều ác. Trong phần chánh gây ra ác, thì đều không nghĩa lý, không thuận pháp độ (luật pháp) nói rõ sự không lành. Dâm dăng khoái ý là cùng trộm cướp tha hồ buông lung, đối lừa lẫn nhau là chánh nói trộm cướp. Các thứ khác văn khá rõ ràng dễ biết.

Phật nói điều ác thứ ba, là người thế gian cùng sống nhờ nương tựa trong trời đất, tuổi thọ nào có bao lâu. Trên có bậc hiền minh trưởng giả, giàu sang tôn quý, dưới có kẻ nghèo cùng hèn hạ ngu si, ở giữa có kẻ không lành, thường có tâm tà ác chỉ nghĩ dâm dật, buồn phiền đầy ắp, ái dục cuồng loạn, ngồi đứng không yên. Ý tham tiếc giữ chặt, chỉ muốn chuyện hoang đường, liếc mắt đưa tình sắc đẹp lả lơi, ong bướm mặc tình, vợ nhà chán ghét, ra vào vụng trộm, hoang phí của tiền, việc làm không đúng pháp. Tụ hợp nhóm hội thi văn, dấy binh đánh nhau, cướp bóc giết hại, cưỡng đoạt không có đạo đức. Tâm ác bên ngoài chẳng tự tu nghiệp. Trộm cắp lấy được, muốn cho thành việc, cậy thế bức hiếp người khác, đem về cấp dưỡng vợ con, tha hồ khoái chí, hết mình làm vui. Hoặc đối với thân thuộc chẳng kể trên dưới, cửa nhà trong ngoài đều lo âu khổ sở. Cũng lại chẳng sợ lệnh cấm, phép vua luật nước. Các điều ác như thế dựa vào người quý. Mặt trời, mặt trăng soi thấy, thần minh ghi biết. Nên có ba đường tự nhiên, vô lượng khổ não trôi lẩn trong đó đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được giải thoát. Đau đớn không thể nói. Đó là Đại ba điều ác, ba thứ Thống, ba thứ Thiệu, đau khổ như thế. Ví như lửa lớn đốt cháy thân người, người nào có khả năng ở trong đó mà nhất tâm chế phục ý mình, đoạn thân chánh hạnh, làm các điều lành, chẳng làm các điều ác, thì thân được độ thoát, được các phước đức, được sinh lên cõi trời, vào Đạo Nê-hoàn. Đó là điều lành lớn thứ ba. Trong môn thứ ba này trước nói điều ác, sau nói điều lành. Trong điều ác thì trước nêu, kế luận, sau kết. Dưới là dụ để

hiển bày. Trong phần luận thì trước nói ác. Cũng chẳng sợ phép vua... là thống đại ác, như thế... là Thiêu. Trong phần ác thì trước nói người gây ra ác. Thường ôm lòng tà... là nói tạo ác tà dâm. Nhóm hợp giao kết... là nói lỗi gây ra ác. Vì hành dâm, tạo tác các việc giết, trộm... là nói lỗi ấy. Các thứ khác văn dễ hiểu.

Phật nói điều ác thứ bốn là, người thế gian không nghĩ tu điều lành, cùng nhau xúi giục, cùng làm các điều ác. Nói hai lưỡi, nói hung dữ, nói dối, nói thêu dệt. Nói cướp giựt, tranh cãi đấu loạn, ganh ghét người lành, phá hoại bậc hiền minh, lấy đó làm vui thích. Chẳng hiếu cha mẹ, khinh mạn Thầy tổ, bạn bè không tin, khó được thành thật, cao quý tự đại, cho mình là người có đạo đức, ngang dọc oai thế, xâm phạm mọi người không thể tự biết, làm điều ác không biết hổ thẹn. Tự ý sức mạnh, muốn người phải kính trọng, khó nhọc vì mình. Không sợ trời đất, các vị thần mặt trăng, mặt trời soi rõ. Không chịu làm điều lành, khó thể hàng phục giáo hóa. Tự mình ngông nghênh lếu láo, cho là tách mình như thế. Không hề lo sợ, luôn có tâm kiêu mạn. Các điều ác như thế, thiên thần ghi biết. Ý đời trước có làm chút phước đức, vài việc lành nhỏ nhoi mà được phù trợ giúp đỡ. Đời này làm điều ác, phước đức hết rồi, các quỷ thần lành đều bỏ đi nơi khác. Thân như ở giữa khoảng không, chẳng nơi nương tựa. Tuổi thọ hết rồi thì các điều ác ùa về, tự nhiên bị ép bức cùng đến cướp đoạt. Lại trong sổ sách thần rõ biết ghi chép đầy đủ, tội lỗi kéo dài đến nơi, tội báo tự nhiên khó lia bỏ, cứ Vương-xá mực tiến tới trước mà vào thẳng vạc lửa nóng. Thân tâm tan nát, tinh thần đau khổ. Ngay lúc ấy ăn năn cũng không kịp. Đường trời sáng sửa, không được chậm trễ. Cho nên có ba đường tự nhiên, vô lượng khổ não trôi lăn trong đó, đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được giải thoát, đau khổ chẳng kể xiết. Đó là điều Đại Ác, Thống, Thiêu thứ bốn, đau khổ như thế. Ví như lửa lớn đốt cháy thân người. Nếu người nào có khả năng ở trong đó mà Vương-xá lòng chế phục ý mình, vững mình làm việc chánh hạnh, riêng làm các điều lành, chẳng làm các điều ác thì thân được độ thoát, được các phước đức, được sinh lên cõi trời vào Đạo nê-hoàn. Đó là điều lành lớn thứ tư.

Trong môn thứ bốn này, trước nói ác, sau nói điều lành. Trong điều ác thì trước nêu, kế luận, sau kết. Dưới dụ để hiển sáng. Trong phần luận thì trước nói điều ác: Như thế các ác thiên thần ghi nhớ... là nói về Thống. Tuổi thọ hết... là nói về thiêu. Trong điều ác ở trước nói người gây điều ác, chẳng nghĩ tu... chính là nói gây ra các điều ác nói dối,... bốn lỗi của miệng không đúng pháp nên gọi là nói dối. Ganh ghét

người hiền thiện... là nói gây ra lỗi Ác. Trong phần Thống là nói điều lành đời trước dứt hết thì nghiệp lỗi ác kéo quỹ thần ghi chép dặt vào đường ác chịu khổ đốt cháy, nên gọi là Thiêu. Các thứ khác vẫn khá rõ dễ hiểu.

Phật nói điều ác thứ năm là, người thế gian đời đời, cậy thế biếng lười, chẳng chịu làm lành, tu thân sửa nghiệp, nhà cửa quyền thuộc đói nghèo khổ khổ. Cha mẹ dạy răn thì trợn mắt nổi giận, nói khiến chẳng biết, bạo ngược phản nghịch (ngang ngược cãi lại) ví như kẻ thù. Không bằng chẳng có con, lấy cho không dè sển chừng mực, mọi người đều chán ghét. Phụ ân bạc nghĩa, chẳng có tâm đền đáp, nghèo thiếu khổ cùng chẳng còn được gì, bội bạc cướp đoạt, chơi bời buông lung, thường thường luống được, gạt gẫm lừa đảo mà có cửa để tự cung cấp và cho biếu. Ham mê rượu thịt, ăn uống vô độ, tha hồ chơi bời, ngang bướng lỗ mắng, chẳng biết tình người, cương bức ép chế. Thấy người lành thì ganh ghét nói xấu, vô nghĩa vô lễ, không biết đoái hoài, tự lợi dụng chức quyền không nghe khuyên can. Sáu thân quyền thuộc của cải có không đều chẳng biết đến. Chẳng nhớ ân cha mẹ, chẳng nghĩ thầy bạn. Tâm luôn nghĩ ác, miệng thường nói ác, thân luôn làm ác, không hề có Vương-xá chút điều lành. Chẳng tin kinh pháp, tiên thánh các Đức Phật. Chẳng tin hành đạo sẽ được giải thoát. Chẳng tin chết rồi thân thức còn sinh lại, chẳng tin làm lành được lành, làm ác bị ác. Muốn giết bậc chân nhân, đấu loạn chúng tăng, muốn giết hại cha mẹ anh em quyền thuộc, sáu thân ghét bỏ, muốn cho chết đi. Người đời như thế, tâm ý đều thế. Ngu si mê muội không dùng trí tuệ chẳng biết từ đâu sinh ra, chết rồi đi về đâu. Chẳng có lòng nhân, chẳng biết hiếu thuận, ác nghịch trời đất mà trong đó mong được may mắn, cầu được sống lâu, gặp khi chết đến từ tâm dạy răn khiến họ nghĩ điều lành, khai thị cho họ biết cõi sinh tử, lành dữ tự nhiên thật có mà chẳng chịu tin. Khổ tâm nói khuyên mà vô ích với người trong tâm bít lấp, ý chẳng mở mang hiểu rõ. Đến khi chết đến vừa sợ hãi vừa ăn năn. Chẳng tu điều lành sẵn, khi lâm vào đường cùng mới ăn năn, ăn năn nhưng nào có kịp. Trong khoảng trời đất năm nẻo rõ ràng, mệnh mông mờ mịt, thiện ác báo ứng, họa phước phải chịu, thân tự gánh lấy không ai thay thế. Nhiều việc tự nhiên như thế ứng theo việc làm, tội lỗi theo mang, không thể lìa bỏ. Người thiện làm thiện từ vui vào vui từ sáng vào sáng. Người ác làm ác, từ khổ vào khổ, từ tối vào tối. Ai mà biết được, chỉ riêng có Phật mới biết mà thôi. Dạy răn mở bày, người tin rất ít, sinh tử không thôi, đường ác không dứt. Người đời như thế khó thể nói hết. Cho nên có ba đường tự nhiên,

vô lượng khổ não xoay lẫn trong đó, đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được giải thoát, chẳng thể kể xiết. Đó là điều Đại Ác, Thống, Thiêu thứ năm. Cực khổ như thế. Ví như lửa lớn đốt cháy thân người. Người nào có khả năng ở trong đó Vương-xá lòng chế phục ý mình, vững mình chánh niệm, nói làm nương nhau. Việc làm chí thành, nói năng đúng lời, tâm niệm không đổi khác. Thực hành các điều lành, chẳng làm các điều ác thì thân được độ thoát, được các phước đức, sinh lên cõi trời, vào Đạo Nê-hoàn, đó là điều lành lớn thứ năm.

Trong môn thứ năm này, trước là ác, sau là thiện. Trong điều ác thì trước nêu, kế luận, sau kết. Dưới dụ để hiển sáng. Trong phần luận thì trước nói ác. Người đời như thế tâm ý... là điều Thống. Khi chết đến thì sợ sệt ăn năn... là Thiêu. Trong điều ác ở trước nói người gây ra điều ác. Đời đời cậy thế biếng lười... chính là nói làm điều ác uống rượu. Người uống rượu không tu các hạnh lành, chẳng nhờ gia nghiệp, trái với giáo lệnh (khuyên răn) giận tức ham đấu tranh, bội bạc ân nghĩa, dối trá bạo ngược làm nhục người khác, lấy đó mà luận, mặc tình chơi bời buông lung... là nói lỗi gây ra điều ác, tương lỗi rất nhiều văn không nói hết. Trong phần Thống thì nói hiện có ngu si ám chướng che tâm không hiểu biết, lấy đó làm Thống, cũng theo phép vua bị trị tội, văn lược qua không nói. Còn về thiêu... thì có thể biết. Như trên là luận riêng, Phật bảo Di-lặc rằng Ta bảo các ông đó là năm điều ác ở đời, cực khổ như thế. năm thứ Thống năm thứ Thiêu xoay vần sinh ra nhau, chỉ làm các điều ác, chẳng tu các gốc lành. Thấy điều tự nhiên vào các đường ác, hoặc đời này trước bị bệnh hoạn tai ương cầu chết chẳng được, cầu sống cũng không xong. Tội ác vơi lấy, chỉ bày cho đại chúng đều thấy. Thân rồi liền đọa vào ba đường ác, khổ độc vô lượng tự thiêu đốt nhau, đến lâu sau cùng kết oan trái, từ nhỏ nhất khởi lên bèn thành điều ác lớn. Đều do tham đắm sắc tài, không chịu bố thí, bị ngu si ham muốn bức ép theo tâm nghĩ tưởng, phiền não buộc ràng không cởi mở được. Tranh giành lợi sâu dày, không biết tỉnh ngộ. Giàu sang vinh hiển, lúc ấy khoái chí chẳng thể nhẫn nhục, chẳng lo tu điều lành. Oai thế không bao lâu thì đều tiêu mất, thân bị lao khổ, lâu sau càng dữ dội. Đường trời khắp bày, tự nhiên nêu rõ, giềng mối lưới giăng, trên dưới khớp nhau, lo lắng vội vàng phải vào trong ấy, xưa nay như thế. Đau đớn đáng thương thay! Phật bảo Di-lặc! thế gian như thế Phật đều thương xót, dùng năng lực oai thần dẹp tan các điều ác, đều khiến làm việc lành, bỏ các nghĩ suy, vâng giữ kinh giới, chịu thực hành Đạo pháp không hề trái nghịch, cuối cùng được đạo nê-hoàn hơn đời.

Đây là luận chung. Trong đó đầu tiên lại nói năm điều ác. Phật bảo Di-lặc: Thế gian như thế là trái ác nói thiện. Trong phần ác trước nói chung năm điều ác, năm Thống, năm Thiêu cùng xoay vần sinh ra nhau. Nhưng làm các điều ác... là nêu riêng. Trong phần riêng có hai: Trước nói từ ác sinh Thống, sinh Thiêu. Thân chết rồi đọa... là nói từ thiêu sinh ác, sinh Thống. Ở phần đầu trước nói chỉ làm các điều ác, không tu gốc lành là nói điều ác ấy. Thấy đều tự nhiên vào các đường ác là nói khởi thiêu. Hoặc đời này trước bị tai ương... là nói sinh ra Thống. Ở phần sau, trước nói thân chết rồi dẫn dắt vào ba đường ác... là nói thiêu. Đến lâu sau... là từ Thiêu sinh ra ác. Đến lâu sau, cùng kết oan trái, từ nhỏ khởi thành oán lớn là khởi ác sát sinh. Đều do tham đắm, chẳng chịu bố thí là khởi ác trộm cướp. Ngu si ham muốn ép bức tùy tâm nghĩ... là khởi ác tà dâm. Sau đấu tranh vì lợi, không chút tỉnh ngộ... là khởi ác nói dối. Giàu sang vinh hoa lúc ấy khoái ý... là khởi ác uống rượu. Đây là đều sinh ra điều ác thân bị... là từ ác sinh ra Thống. Bị năm ác trước thân chịu khổ nhọc, khổ thêm mãi không dứt gọi là lâu càng dữ dội... là nói tướng dữ dần. Phạm ở thế gian, Đạo lý trong thiên hạ tự nhiên lập bày cho nên gọi là Đạo trời khắp bày. Gây ra điều ác ắt bày rõ gọi là nêu bày, thân theo lưới pháp thế gian nên gọi là giềng mối lưới giăng. Sang hèn trên dưới đều theo pháp thế gian nên gọi trên dưới khớp nhau. Tội đến không có bề bạn nên gọi là mệnh mông mịt mờ vào trong ấy. Xưa nay có... là kết để hiển bày lỗi. Trên nói điều ác, dưới nói điều lành. Phật bảo Di-lặc thế gian như thế... là nhắc lại điều ác trước. Phật đều thương là nói thương xót. Dùng năng lực oai thần... là nói dạy dứt điều ác ở trước, dạy khiến theo điều lành, dẹp bỏ các điều ác, đều khiến làm điều lành. Dạy tu điều lành ở đời, bỏ quên các nghĩ ngợi tính toán. Vâng trì kinh pháp... là dạy tu tập điều lành xuất thế, thọ đạo không lỗi là nói Nhân xuất thế, cuối cùng được... là nói thành tựu quả xuất thế. Trên là phần thứ ba nói năm ác... là lỗi của nghiệp khổ.

Phật nói: nay các ông và trời, người cùng người đời sau được Phật dạy khuyên nên suy nghĩ kỹ. Hãy ở trong đó mà vững tâm chánh hạnh. Trên là vua làm điều lành, đốc thúc dạy bảo kẻ dưới. Cùng trao truyền ra lệnh đều phải tự giữ mình ngay thẳng, tôn bậc Thánh, kính điều lành, nhân từ bác ái, lời Phật dạy răn không dám trái thiếu phụ rầy. Phải cầu vượt đời, cắt đứt sinh tử và các gốc khổ. Xa lìa ba đường là nẻo vô lượng lo sợ khổ đau. Các ông phải rộng trông gốc đức, thi ân bố thí, chớ phạm đạo cấm. Phải nhẫn nhục siêng năng, Vương-xá lòng trí tuệ cùng giáo hóa nhau, lập đức làm lành, chánh tâm chánh ý. Trai giới thanh

tịnh Vương-xá ngày Vương-xá đêm thì hơn cả ở nước Vô Lượng Thọ làm điều lành trăm năm. Vì sao? Vì cõi nước Phật ấy vô vi tự nhiên, đều chứa các điều lành, không có mảy may điều ác. Ở đây tu điều lành mười ngày mười đêm thì hơn cả ở trong các cõi nước chư Phật ở phương khác làm điều lành ngàn năm. Vì sao? Vì ở cõi nước Phật phương khác làm lành rất nhiều, làm ác rất ít, phước đức tự nhiên, không gây các điều ác. Chỉ ở cõi này rất nhiều điều ác, không có tự nhiên, cực khổ mong cầu, lại khinh dễ coi thường tâm khổ thân khổ, ăn uống khổ độ. Như thế các điều ác không hề ngưng nghỉ. Ta thương trời, người và các ông, hết lòng khuyên dụ, dạy khiến tu điều lành, tùy nghi khai đạo dắt dẫn, trao cho kinh pháp, đều nên vâng làm, ở ý mong cầu đều khiến được đạo. Phật đã đến khắp các cõi nước thành ấp, đổi núi xóm làng, đều được dạy dỗ, thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt sáng tỏ, mưa thuận gió hòa, tai ương không khởi, nước giàu dân an, đao binh không có. Kính trọng nhân đức, tu các lễ nghi. Phật nói ta thương trời, người các ông còn hơn cha mẹ thương con. Nay ta ở cõi đời này thành Phật, hàng phục năm ác, diệt trừ năm Thống, dứt bỏ năm Thiêu. Lấy thiện sửa ác, cứu khổ sinh tử, khiến được năm đức, an trụ trong vô vi. Khi ta diệt độ rồi thì kinh đạo mất dần, người lại đua nịnh dối trá, lại làm các điều ác, năm Thiêu, năm Thống. Lại như pháp trước, lâu sau càng dữ dần không thể kể xiết. Ta chỉ nói lược cho các ông nghe mà thôi - Phật bảo Di-lặc rằng: các ông nên khéo suy nghĩ cùng răn dạy nhau như kinh pháp của Phật, không được trái phạm. Do đó Bồ-tát Di-lặc chấp tay bạch Phật rằng: Lành thay! Lời Phật nói: Người đời đúng thật như thế. Như Lai thương xót rộng khắp đều khiến được độ thoát. Chúng con nguyện vâng lời Phật răn dạy, chẳng dám trái bỏ.

Phần thứ bốn là, khuyên người tu xả bỏ. Trong đó có hai: Một là, Như Lai khuyên tu; hai là, Di-lặc hiểu rõ vâng làm. Phần Vương-xá có ba: Một là, lý chánh khuyên; hai là, Ta thương các ông là nêu hiện tại dạy khuyên ích hóa; ba là, Ta ở đời này là nói đã diệt độ rồi thương xót mà khuyên. Trong phần đầu có hai: Một là, lý chánh khuyên; hai là, các ông rộng gieo trồng đức... là nói tu cao quý, thêm người nêu ý. Trong phần chánh khuyên, trước là khuyên tự làm, được lời trong kinh Phật phải suy nghĩ kỹ. Vững tâm chánh hạnh, người đứng đầu,... là khuyên hóa tha. Người đứng đầu,... là làm lành, đốc thúc dạy dỗ... là dạy người là điều lành. Phải cầu vượt hơn đời, cứu giúp sinh tử... là dạy người là điều ác. Trong phần nêu đây thì trước nói cõi này Vương-xá ngày tu điều lành bằng cõi Vô Lượng Thọ làm lành trăm năm, vì sao... là giải thích

cõi này tu điều lành mười ngày thì hơn các cõi nước Phật khác làm lành ngàn năm. Vì sao... là giải thích. Trong đoạn đầu này, các ông rộng tu gốc đức là nêu chung. Thi ân bố thí là nêu riêng. Trong phần nêu riêng sáu pháp Ba-la-mật là hạnh tự lợi. Ban ân là đàn độ, chớ phạm là giới độ, nhẫn nhục là nhẫn độ, siêng năng là tấn độ, nhất tâm là thiền độ, trí tuệ là tuệ độ. Ngày càng giáo hóa là hạnh lợi tha. Lập đức làm lành là kết chung. Đối với việc làm lành này thì chánh tâm chánh ý, trai giới thanh tịnh là chỉ thiện. Vì ở đây tu khó nên Vương-xá ngày thì hơn cõi Vô Lượng Thọ làm lành một trăm năm - Phần hai ở dưới thì nêu mình ở hiện tại hóa ích khuyên dạy. Trong đó trước dạy người tu điều lành được vui. Phật nói... là nói dạy người dứt ác lia khổ. Sau đó phần thứ ba là, nêu mình diệt độ rồi thương xót khuyên tu. Trước nêu việc mình mất rồi, bảo Di-lặc... là khuyên người tu dứt bỏ. Trên là Phật khuyên, dưới là Di-lặc hiểu vâng làm. Di-lặc bạch Phật nói rằng: Loài người thật đúng thể là nhận hiểu. Như Lai thương xót là nói mình vâng làm.

Trên là bốn đoạn, hợp thành phần thứ hai, rộng nêu việc Ta-bà đơ ác khiến người nhàm chán lia bỏ.

Dưới đây là phần thứ ba, y cứ vào cõi Vô Lượng Thọ luận về được mất, khiến người tu xả bỏ. Trong đó có năm: Một là, Phật khuyên A-nan đánh lễ Vô Lượng Thọ; hai là, A-nan vâng lời kính lễ Phật ấy; ba là, do thưa hỏi trước Phật Vô Lượng Thọ phát ra ánh sáng chiếu khắp; bốn là, do Phật chiếu sáng mà kia đây đều thấy nhau; năm là, do thấy nhau mà nêu bày đầy đủ việc được mất, khiến người tu xả bỏ.

Phật bảo A-nan rằng: Ông nên sửa y, chấp tay cung kính lễ Phật Vô Lượng Thọ, các Đức Phật Như Lai ở các cõi nước trong mười phương thường cùng khen ngợi Phật ấy vô trước, vô ngại.

Ở đoạn đầu, trước bảo A-nan lễ Đức Phật ấy. Cõi nước mười phương... là nêu các Đức Phật cùng khen, thành tựu việc đánh lễ. Do đó, A-nan sửa y, chánh thân hướng về phía Tây, cung kính chấp tay, năm vóc sát đất, lễ Phật Vô Lượng Thọ, bạch rằng: Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện thấy Đức Phật ấy và đại chúng các Bồ-tát, Thanh văn ở cõi nước An lạc.

Trong đoạn hai, trước nói A-nan vâng lời đánh lễ. Bạch Phật rằng... là thỉnh cầu được thấy Đức Phật ấy. Cầu thấy Hóa chủ ở cõi nước An lạc. Cầu thấy nơi ấy và các Bồ tát... là cầu thấy đại chúng ấy.

Nói lời ấy xong, tức thì Phật Vô Lượng Thọ phát ánh sáng rực rỡ chiếu khắp tất cả thế giới của các Đức Phật, núi Kim cang Vi, núi Chúa Tu-di, các núi lớn nhỏ, tất cả mọi vật đều cùng Vương-xá màu, ví như

kiếp thủy, nước đầy khắp thế giới. Trong đó, muôn vật chìm mất không hiện, mênh mông trắng xóa, chỉ thấy toàn nước. Ánh sáng của Đức Phật ấy cũng giống như thế. Tất cả ánh sáng của chúng Thanh văn, Bồ-tát đều ẩn mất, chỉ thấy ánh sáng của Phật chói lòa rực rỡ.

Trong đoạn thứ ba, trước nói Phật phát ánh sáng chiếu khắp tất cả đều đồng Vương-xá màu. Tiếp là dụ nêu rõ, dưới là hợp lại để hiển bày.

Khi ấy, A-nan liền thấy oai đức vòi vọi của Phật Vô Lượng Thọ như núi Chứa Tu-di cao hơn tất cả các thế giới, tướng tốt sáng chói đều chiếu soi tất cả. bốn chúng trong hội này cùng lúc đều thấy. Cõi kia thấy cõi này, cũng giống như thế.

Trong đoạn thứ bốn, trước nói cõi này thấy cõi kia, sau cõi kia thấy cõi này. Trong đây, thấy kia thì trước nói A-nan thấy, sau đại chúng thấy.

Bấy giờ, Phật bảo A-nan và Bồ-tát Từ Thị rằng: các ông thấy cõi nước ấy từ đất trở lên đến trời Tịnh cư, trong đó có bao nhiêu vật nhiệm màu trang nghiêm thanh tịnh tự nhiên đều thấy phải chăng? A-nan thưa, đúng thế, chúng con đã thấy. Các ông có nghe đại âm thanh của Phật Vô Lượng Thọ tuyên bố dạy dỗ chúng sinh ở tất cả thế giới chăng? A-nan thưa, “Vâng chúng con có nghe”. Nhân dân ở cõi nước ấy nương nhờ cùng điện bảy báu trăm ngàn do-tuần, không hề chướng ngại, đến khắp mười phương cúng dường các Đức Phật, các ông lại có thấy chăng?

A-nan thưa: Chúng con đã thấy.

Nhân dân cõi ấy có thai sinh, các ông có thấy chăng?

Thưa rằng: Đã thấy. Loài thai sinh ấy ở trong cung điện chu vi một trăm do-tuần, hoặc năm trăm do-tuần, đều thấy ở trong ấy hưởng các điều vui sướng như trên tầng trời Đao-lợi cũng đều tự nhiên.

Khi ấy, Bồ-tát Từ Thị bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế Tôn, do nhân duyên gì, nhân dân cõi nước ấy có thai sinh, hóa sinh. Phật bảo Từ Thị rằng: Nếu có chúng sinh tu các công đức với tâm nghi ngờ, nguyện sinh về nước ấy là không hiểu trí Phật, là trí không thể nghĩ bàn, trí không thể gọi tên, trí Đại thừa rộng lớn, trí cao tột nhất không gì so sánh được. Nếu đối với các trí này nghi ngờ không tin, cũng không tin tội phước, tu tập gốc lành mà nguyện sinh về nước ấy thì các chúng sinh này sinh lên cung điện kia sống lâu năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy thánh chúng Bồ-tát, Thanh văn. Thế nên ở cõi nước ấy gọi là thai

sinh. Nếu có chúng sinh sáng suốt tin trí Phật, cho đến thắng trí (trí cao tột...) mà y theo các công đức lòng tin hồi hướng thì các chúng sinh này ở trong hoa bảy báu tự nhiên hóa sinh ngồi kiết già, chốc lát thì thân tướng sáng rực trí tuệ công đức, thành tựu đầy đủ như các Bồ-tát. Lại nữa, này Từ Thị, các Đại Bồ-tát ở phương khác phát tâm muốn thấy Phật Vô Lượng Thọ, cung kính cúng dường Phật ấy và các Thánh chúng Thanh văn, Bồ-tát thì Bồ-tát ấy khi qua đời sẽ được sinh về cõi nước Phật Vô Lượng Thọ, tự nhiên hóa sinh trong hoa bảy báu. Này Di-lặc phải biết rằng loài hóa sinh ấy có trí tuệ hơn loài thai sinh không có trí tuệ. Loài này suốt năm trăm năm, thường không thấy Phật, không nghe kinh pháp, không thấy chúng Bồ-tát, Thanh văn. Vì không cúng dường Phật nên không biết pháp thức Bồ-tát, không được tu tập các công đức. Phải biết rằng người này đời trước không có trí tuệ, nghi ngờ mà bị như thế. Phật bảo Di-lặc rằng: Vì như Chuyển luân thánh vương, riêng có cung điện bảy báu trang sức, bày các giường ghế, treo các phướn lọng. Nếu có các Thái tử của các vua nhỏ phạm tội bị nhốt vào cung điện ấy, bị trói buộc bởi các xích vàng, cung cấp đầy đủ các thức ăn uống, y phục, giường nệm, hoa hương, âm nhạc như Chuyển luân vương không thiếu thốn chút nào, thì ý ông thế nào, các con vua nhỏ này có vui thích chăng? Thưa rằng; không vui thích ở đấy mà chỉ tìm mọi cách, dùng các sức mạnh để tự thoát ra. Phật bảo Di-lặc rằng các chúng sinh ấy cũng giống như thế. Do nghi ngờ trí Phật nên sinh vào cung điện bảy báu ấy, không có hình phạt cho đến không có Vương-xá niệm ác. Nhưng suốt năm trăm năm không thấy Tam bảo, không được cúng dường, tu các gốc lành. Lấy đó làm khổ, dẫu có các vui khác cũng không thích ở đấy. Nếu các chúng sinh biết được gốc tội, rất tự ăn năn sửa đổi trách mình, mong cầu lìa khỏi chỗ ấy thì liền được như ý. Đến chỗ Phật Vô Lượng Thọ cung kính cúng dường thì cũng được đến khắp các chỗ của vô lượng vô số các Như Lai, tu các công đức. Này Di-lặc nên biết, có Bồ-tát nào sinh nghi ngờ thì bị mất lợi lớn. Thế nên phải biết sáng suốt tin trí tuệ Vô thượng của các Đức Phật.

Trong đoạn thứ năm, trước là nói cái “Được ấy”, khiến người nguyện cầu, sau là nói “Mất ấy” khiến người nhàm chán lìa bỏ. Trong phần nói cái được thì Như Lai có ba câu hỏi, A-nan ba lần đáp. Văn khá rõ. Trong phần nói cái mất thì trước nói cái lỗi của thai sinh. Nếu có chúng sinh nào biết gốc tội... là dạy người tu xả bỏ. Trong phần nói mất, văn riêng có bốn: Một là, nói nước ấy có quả thai sinh; hai là, từ Thị bạch Phật... là luận nhân làm sáng tỏ quả; ba là, lại nữa Từ Thị... là

đối với hơn mà bày thua kém; bốn là, Như Chuyển luân vương... là nói lỗi. Trong đoạn đầu Như Lai trước hỏi: Nhân dân nước ấy có thai sinh ông có thấy chăng? A-nan kể đáp mình có thấy. Như Lai lại vì luận đủ. Trong đoạn thứ hai, trước Di-lặc hỏi, vì nhân duyên gì nhân dân nước ấy có thai sinh hóa sinh, chính là luận về thai sinh, y cứ vào hóa sinh mà hiển bày. Hỏi câu ấy để được rõ, Phật đáp. Trong đó trước nói nhân của thai sinh. Nếu có chúng sinh sáng suốt tin trí Phật... là nói nhân hóa sinh. Trong nhân thai sinh, trước nói nhân ấy. Chúng sinh này sinh về nước ấy... là nói nhân được quả. Trong phần nói nhân, nếu có chúng sinh nào với tâm nghi ngờ... là nói lược “Cái mất” ấy. Tu các công đức nguyện sinh về nước ấy là nói lược cái được ấy. Chẳng hiểu trí Phật... là nói rộng cái mất ấy. Đối với trí Phật mà nghi ngờ không tin là cái mất. Trong đó, trước nói không hiểu trí Phật, câu này là chung. Không thể nghĩ bàn là riêng trí Phật sâu kín, các thứ khác không lường biết được nên gọi là trí không thể nghĩ bàn. Trí Phật rất nhiều không thể nói hết nên gọi là trí không thể gọi tên. Đối với các pháp môn biết cùng tận nên gọi là quảng trí (trí cao tốt không gì sánh bằng). Đối với đây... là kết. Cũng tin... là nói rộng về đức. Sau trong phần được quả thì trước luận, sau kết. Trong phần nói hóa sinh thì trước nói nhân ấy. Các chúng sinh này... là nói nhân được quả. Từ phần thứ ba là, đối với hơn mà nói thua kém. Trong đó, trước nêu cái hơn của hóa sinh, sau nói cái thua kém của thai sinh. Văn khá rõ. Từ phần thứ bốn là, nói cái lỗi của thai sinh, y cứ theo dụ mà hiển bày. Như Lai trước lập dụ hỏi lại, Di-lặc kể đáp, không phải là đáp chung. Nhưng các thứ... là hiển bày riêng. Phật bảo... là Như Lai luận rõ, nói thai sinh không có các khổ khác, chỉ năm trăm năm không thấy Tam bảo, không được tu điều lành, lấy đó làm khổ. Vì khổ đó nên tuy vui mà không vui. Từ trên bốn đoạn hợp thành phần một, nói cái mất (lỗi) của thai. Từ phần hai là, dạy người tu xả bỏ. Nếu chúng sinh biết gốc tội, tự rất ăn năn sửa đổi cầu xa lìa chỗ ấy chính là dạy tu xả bỏ. Biết gốc tội nghi ngờ trí Phật, rất tự hối trách thì liền được... là nói tu được. Di-lặc phải biết có... là kết khuyên tu học. Đây là nêu cái mất (lỗi) để hiển bày cái được mà khuyên.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật rằng, Bạch Đức Thế Tôn, ở thế giới này có bao nhiêu Bồ-tát bất thối sinh về nước Phật ấy? Phật bảo Di-lặc rằng ở thế giới này có sáu mươi bảy ức Bồ-tát Bất thối vãng sinh về nước ấy. Mỗi Bồ-tát đã từng cúng dường vô số các Đức Phật. Kế như Di-lặc, các tiểu Bồ-tát hạnh và các người tu tập ít công đức không thể kể hết đều sẽ vãng sinh. Phật bảo Di-lặc không chỉ các Bồ-tát ở cõi ta vãng

sinh về nước ấy mà ở các cõi Phật phương khác cũng lại có Bồ-tát vãng sinh như thế.

Đức Phật thứ nhất tên là Viễn Chiếu, ở đấy có một trăm tám mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ hai tên là Bảo Tạng, ở đấy có chín mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ ba tên là Vô Lượng Âm, ở đấy có hai trăm hai mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ bốn tên là Cam Lộ Vị, ở đấy có hai trăm năm mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ năm tên là Long Thắng, ở đấy có mười bốn ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ sáu tên là Thắng Lực, có mười bốn ngàn ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ bảy tên là Sư Tử, có năm trăm ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ tám tên là Ly Cấu Quang, có tám mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ chín tên là Đức Thủ, có sáu mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười tên là Diệu Đức Sơn, có sáu mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười một tên là Nhân Vương, có mười ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười hai tên là Vô Lượng Hoa, có vô số chẳng thể xưng kể các chúng Bồ-tát đều không lui sụt, trí tuệ mạnh mẽ, đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật. Trong bảy ngày có khả năng thọ giữ pháp tu vững chắc của trăm ngàn ức kiếp Đại sĩ Bồ-tát này đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười ba tên là Vô Úy, có bảy trăm chín mươi ức chúng Đại Bồ-tát, còn các tiểu Bồ-tát và các Tỳ-kheo không thể nói hết đều sẽ vãng sinh - Phật bảo Di-lặc: Chẳng phải chỉ có các Bồ-tát trong cõi nước của mười bốn Đức Phật này đều sẽ vãng sinh mà vô lượng các cõi nước Phật ở thế giới mười phương, số người vãng sinh cũng giống như thế, rất nhiều vô số. Ta chỉ nói danh hiệu các Đức Phật mười phương và các Bồ-tát, Tỳ-kheo sinh về nước ấy thì suốt ngày đêm trong Vương-xá kiếp cũng nói chưa hết. Nay ta chỉ nói lược cho ông nghe thôi.

Thứ bốn là, lại gồm các vị bậc thượng vãng sinh nước ấy. Trong đó, trước nói Bồ-tát cõi này vãng sinh về nước ấy. Di-lặc trước hỏi, Như Lai sau luận. Phật bảo Di-lặc chẳng phải chỉ có... là nói rộng Bồ-tát các nước khác vãng sinh. Trong đó trước là chung, Phật thứ nhất... là nêu riêng. Nếu số Bồ-tát mười ba cõi nước vãng sinh, chung với Ta-bà nêu riêng mười bốn cõi nước. Chẳng phải chỉ có... là nêu chung các nước khác, nói đều vãng sinh rất nhiều vô lượng không thể nói đủ. Nêu đây khiến người cầu sinh chuyên chú. Như trên là phần Chánh tông.

Dưới đây là phần lưu thông. Trong đó có bốn: Một là, Như Lai khen kinh, khuyên học; hai là, khi ấy Thế Tôn nói kinh này... là nói lợi ích, các người hiểu đạo; ba là, đất rung chuyển phát ra ánh sáng, mưa hoa, trời nhạc để giúp chúng thêm tin sâu; bốn là, nói chỗ lợi ích rất nhiều, đại chúng đồng vui mừng.

Trong phần đầu có năm: Một là, nêu lợi ích của việc nghe, khuyên người vãng làm; hai là, nay ta vì các chúng sinh... là dạy người thưa hỏi để hết nghi; ba là, ta ở đời tương lai, kinh đạo dần mất... là nói kinh này cứu giúp, được lưu lại trăm năm; bốn là, Phật bảo Di-lặc... là nói kinh này khó nghe, giúp người sinh kính trọng; năm là, thế nên pháp ta như thế... là kết khuyên tu học.

Phật bảo Di-lặc; người nào nghe được danh hiệu Đức Phật ấy mà vui mừng hơn hờ, dù chỉ niệm Vương-xá niệm, phải biết người này được lợi ích lớn. Cho nên đây đủ công đức vô thượng. Thế nên Di-lặc, nếu có lửa lớn đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới thì cũng phải đến đây để nghe kinh pháp này mà vui mừng tin ưa, thọ trì đọc tụng. Đúng theo lời dạy mà tu hành. Vì sao? Vì có nhiều Bồ-tát muốn nghe kinh này mà chẳng thể được. Nếu có chúng sinh nào nghe kinh này thì đối với đạo Vô thượng không bao giờ còn lui sụt. Thế nên phải chuyên tâm tin nhận trì tụng, đúng như lời dạy thực hành.

Trong phần đầu có hai: Một là, nói được nghe danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ thì được lợi ích sâu rộng, khuyên học kinh này. Ý kinh nghe tên nên khuyên học. Nếu có chúng sinh nghe kinh này... là nói nghe kinh này được lợi ích rộng lớn, nêu khuyên người vãng làm. Trong phần nói nghe danh hiệu Phật được lợi ích, thì có người được nghe danh hiệu Phật ấy mà vui mừng hơn hờ dù chỉ niệm Vương-xá niệm là được lợi ích lớn, tức nói nghe danh hiệu Phật thì được nhiều lợi ích. Thế nên... là khuyên học kinh này, vì trong kinh này nói nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ, thì được nhiều lợi ích. Cho nên nếu lửa lớn đầy khắp cõi Tam thiên thì cũng phải đến đây để nghe nhận kinh này. Huống nữa lại trừ được

nạn nhỏ. Vì sao... vì giải thích: Có nhiều Bồ-tát muốn nghe kinh này mà không được, cho nên cần phải lắng nghe. Sau phần nói nghe kinh được lợi ích, nếu nghe kinh này thì đối với đạo Vô thượng không bao giờ còn lui sụt là nêu lợi ích nghe kinh. Thế nên phải chuyên tâm... là khuyên người tu học. Trên đây là phần một nêu lợi ích nghe kinh, khuyên người vãng làm.

Nay ta vì các chúng sinh nói kinh pháp này giúp cho thấy Phật Vô Lượng Thọ và các chúng sinh ở cõi nước ấy, những việc phải làm thì đều nên thưa hỏi, nếu không, khi ta diệt độ rồi lại sinh nghi ngờ.

Thứ hai là, dạy người thưa hỏi để hết nghi ngờ. Ta vì chúng sinh nói kinh pháp này giúp cho thấy được Phật Vô Lượng Thọ và các việc làm ở cõi nước ấy là nêu ý hóa của mình, đều nên thưa hỏi, chính là khuyên thỉnh quyết. Không được... là ngăn người sau nghi ngờ.

Ở đời tương lai kinh đạo sẽ diệt mất, ta vì lòng từ bi thương xót mà đặc biệt lưu lại kinh này trong một trăm năm. Nếu chúng sinh nào gặp kinh này tùy ý nguyện cầu đều được độ thoát.

Thứ ba là, nói kinh này được lưu lại trăm năm. Ở đời vị lai kinh đạo diệt mất là nêu việc kinh pháp diệt mất ở đời vị lai. Chánh pháp của Phật Thích-ca có năm trăm năm, tượng pháp có một trăm năm, mạt pháp mười ngàn năm. Tất cả đều qua gọi là diệt mất hết. Ta vì lòng từ bi... là nói ý lưu lại của mình. Phật vì lòng từ bi thương xót chúng sinh, cho nên pháp diệt hết rồi, chỉ lưu lại kinh này một trăm năm để cứu độ. Vì trong kinh này chỉ bày Tịnh độ giúp người cầu sinh, cho nên riêng lưu lại - kinh Đại Niết-bàn hiển bày Phật tánh, Thánh giáo rất sâu xa, bậc Thánh vào trước ẩn rồi nên mất trước. kinh này dạy người chán khổ cầu vui, cứu hạng người phàm trung nên mất sau. Pháp tùy người khác nhau nên diệt mất khác nhau. Nếu có chúng sinh nào gặp kinh này thì nguyện cầu gì đều được là nói lợi ích lưu kinh - Pháp diệt hết rồi một trăm năm sau nghe được còn lợi ích vãng sinh Tịnh độ, huống gì nay nghe được sao lại chẳng sinh? Chỉ cho ý lưu kinh của Phật nên nói nay kinh này có người cầu sinh, chắc chắn được vãng sinh, chớ nên nghi ngờ.

Phật bảo Di-lặc rằng: Như Lai ra đời khó gặp khó thấy. Các kinh đạo của Phật rất khó được nghe. Các pháp cao siêu của Bồ-tát, các Ba-la-mật cũng khó được nghe. Gặp thiện tri thức nghe pháp làm theo việc này cũng rất khó. Nếu nghe kinh này mà tin ưa thọ trì thì thật là điều khó trong những điều khó, không gì khó hơn.

Thứ bốn là, nêu kinh khó nghe, khiến người sinh tâm kính trọng. Như Lai ra đời khó gặp khó thấy là nói Phật khó gặp. Sinh cùng thời với

Phật gọi là gặp, mắt nhìn thấy gọi là thấy, những việc này đều rất khó. Kinh đạo của các Phật rất khó được nghe... là nói pháp khó nghe. Trong đó trước nói kinh giáo khó nghe, tay được quyển kinh gọi là được, tai nghe gọi là nghe. Cũng có thể lãnh hội, đọc tụng gọi là được, tai nghe gọi là nghe, những việc này đều khó. Pháp cao siêu của Bồ-tát... là nói hạnh pháp nghe được rất khó. Gặp thiện tri thức làm theo cũng khó, là nói tu hành khó. Đây trước là nêu nếu nghe kinh này mà tin ưa thọ trì thì là điều khó trong những điều khó, đối với ba thứ trước mà nói kinh này trong tu học rất là khó. Các nghĩa khác, pháp khác ở mọi nơi tuyên nói mở bày Tịnh độ, dạy người vãng sinh thì riêng kinh này là khó nhất.

Thế nên pháp ta làm như thế, nói như thế, dạy như thế phải nên tín thuận, đúng như pháp mà tu hành.

Thứ năm là, kết khuyên tu học. Nói thế là kinh pháp này có nhiều lợi ích. Trong đó tu học rất khó được. Nay ta giảng nói, nói pháp của ta là nêu kinh pháp này. Làm như thế là nói Di-đà Như Lai tu nguyện tu hạnh mà được thân, được cõi nên gọi là làm như thế. Nói như thế là Như Lai trước nay vì chúng giảng nói, gọi là nói như thế. Dạy như thế là Như Lai trước nay dạy người vãng sinh gọi là dạy như thế. Đây là nêu pháp được phải nên tín thuận, đúng pháp tu hành là kết khuyên tu học.

Khi Thế Tôn nói kinh pháp này, vô lượng chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh giác, mười hai ngàn na-do-tha người đều được pháp nhãn thanh tịnh hai mươi hai ức các vị trời được quả A-la-hàm, tám mươi muôn vị tỳ-kheo được lậu tận ý giải, bốn mươi ức Bồ-tát đều được không lui sụt, dùng công đức của thế nguyện sâu rộng để tự trang nghiêm, ở đời tương lai sẽ thành Chánh giác.

Đoạn thứ hai là, nói lợi ích. Có lợi ích vô lượng chúng sinh phát tâm Chánh giác khởi nguyện. Nghe Phật Di-đà phát nguyện tu hạnh được Tịnh độ Phật, giáo hóa chúng sinh, nguyện đồng với Phật, gọi là tâm Chánh giác. Sau nói được đạo, trước nhỏ sau lớn. Chúng sinh Tiểu thừa nghe nói Ta-bà dơ ác đáng chán, tâm rất chán lìa nên được quả nhỏ. Trong đó, trước nói được Pháp nhãn thanh tịnh, thành Tu-đà-hoàn, thấy bốn chân đế gọi là Pháp nhãn. Kế được A-na-hàm, sau được La-hán. Còn chúng sinh Đại thừa nghe Phật Di-đà thành tựu đức rộng độ, vững tâm nguyện cầu nên được không lui sụt. Nghe kinh này có nhiều lợi ích thể muốn cứu độ gọi là dùng công đức của thế nguyện rộng lớn để tự trang nghiêm. Do đấy mà được quả nên nói tương lai sẽ thành Chánh giác.

Bấy giờ tam thiên đại thiên thế giới sáu thứ rung chuyển, ánh sáng

rực rỡ chiếu khắp cõi nước mười phương, trăm ngàn âm nhạc tự nhiên trỗi lên, vô lượng hoa đẹp lãng xăng rơi xuống.

Đoạn thứ ba là, Như Lai biến hóa khắp để mọi người thêm kính trọng, nên dùng năng lực thần thông làm cho mặt đất rung chuyển, phát ra ánh sáng, trỗi nhạc mưa hoa, sáu thứ rung chuyển như trên.

Phật nói kinh này xong, Bồ-tát Di-lặc và các chúng Bồ tát ở mười phương đến cùng Trưởng lão A-nan, các đại Thanh văn, tất cả đại chúng đều rất vui mừng.

Đoạn thứ bốn là, nói lợi ích rộng khắp, giáo pháp thích hợp với các căn cơ, đại chúng đều vui mừng.

